



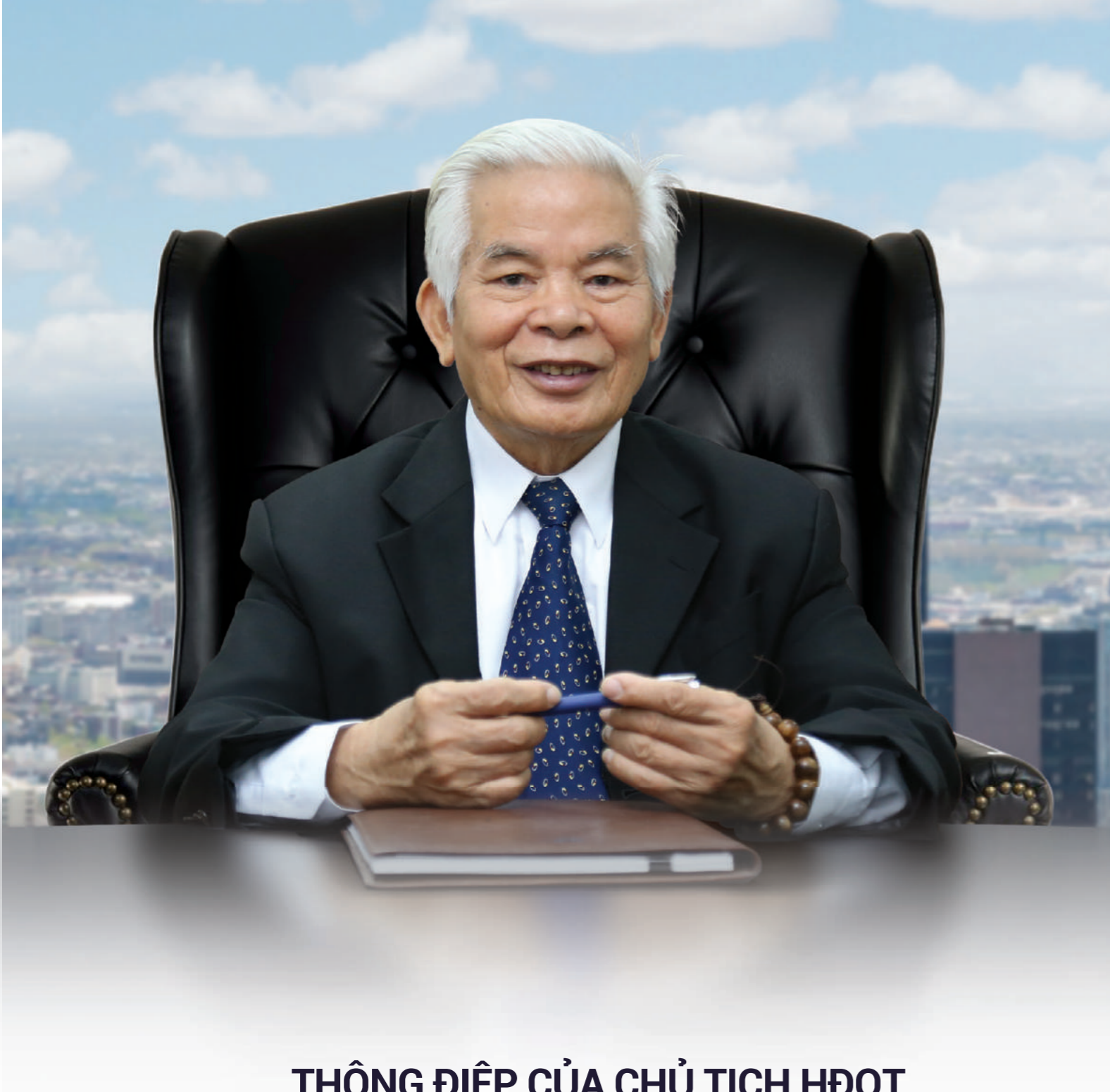
Báo cáo **2018**  
**THƯỜNG NIÊN**

HỢP TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÌ CỘNG ĐỒNG



## MỤC LỤC

<b>THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1
<b>PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG</b>	4
1. Thông tin khái quát	5
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	9
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	10
4. Định hướng phát triển của Công ty	26
<b>PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	32
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	36
2. Tình hình đầu tư - thực hiện các dự án	38
3. Tình hình tài chính	38
4. Cơ cấu cổ đông.	39
<b>PHẦN III: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH</b>	44
1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	45
2. Tình hình tài chính	45
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	46
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2018/2019	46
<b>PHẦN IV: QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	50
1. Hoạt động của HĐQT	51
2. Hoạt động của Ban kiểm soát	53
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban Tổng Giám đốc - BKS	55
4. Báo cáo phát triển bền vững.	58
<b>PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	64
Báo cáo tài chính kiểm toán riêng của công ty mẹ	65
Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất	75



## THÔNG ĐIỆN CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

**Kính gửi:** Quý vị Cổ đông cùng nhà đầu tư

Niên độ tài chính năm 2017-2018 đã kết thúc, với một số kết quả không mong muốn - Doanh thu và lợi nhuận không đạt kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đầu năm đề ra và so với năm trước giảm gần 30%.

Có thể nói là một năm tồi tệ nhất của ngành mía đường cả nước và chung cả thế giới - Nguồn cung tăng nhanh hơn nhiều nhu cầu, lượng đường tồn kho lớn, thị trường ảm đạm, giá giảm thấp. Với Việt Nam là năm đầu xóa bỏ hạn ngạch thuế quan mặt hàng đường theo hiệp định thương mại hàng hóa các nước ASEAN (ATIGA), đường từ Thái Lan ồ ạt tràn vào thị trường Việt Nam với một khối lượng lớn, giá bán thấp ngay từ đầu vụ và liên tục cả năm không được kiểm soát, làm rối loạn thị trường trong nước gần như bị đóng băng. Tồn kho lớn, giá bán giảm thấp chỉ bằng 70% cùng kỳ, LASUCO cũng không thể ngoại lệ.

Mặc dù LASUCO đã nhận thức sớm được tình hình và đã có bước chuyển mạnh từ những năm trước, cơ cấu lại vùng mía với chương trình "**Làm mới lại cây mía, hạt đường Lam Sơn**", tổ chức lại vùng mía, giảm diện tích, đầu tư mạnh thâm canh tăng năng suất và chất lượng mía, đổi mới công nghệ chế biến, đổi mới cơ cấu mặt hàng đường theo hướng sản xuất hữu cơ, đường Organic, đường lỏng, đường bánh; Đầu tư tái thiết bị công nghệ, tận dụng mọi nguồn phế thải từ mía đường; Tăng công suất phát điện, năng lượng tái tạo, tăng sản lượng điện bán lên lưới điện quốc gia...; Định vị lại thương hiệu và định hướng sản xuất kinh doanh, phát triển thêm ngành hàng mới: Rau, hoa quả thực phẩm, lúa gạo hữu cơ nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu, tận thu tối đa các phụ phế phẩm tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao và giá trị gia tăng, đáp ứng thị trường trong nước và hội nhập. Thành lập mới Công ty Thương mại xuất nhập khẩu, tổ chức lại và mở rộng hệ thống bán hàng, đổi mới phương thức bán buôn và bán lẻ, thúc đẩy tiêu thụ, giảm tồn kho, tăng nguồn thu, bảo đảm các cân đối tài chính, ổn định sản xuất kinh doanh được tiếp tục phát triển, tạo cơ sở cho những năm sau.

### **Thưa quý vị cổ đông!**

Niên độ tài chính 2018-2019, ngành mía đường trên thế giới và trong nước chưa thoát khỏi những khó khăn trầm kha: Cung vượt cầu, giá tiếp tục giảm sâu, nhu cầu tiêu dùng đường của dân cư đã và đang có những thay đổi hướng về các sản phẩm hữu cơ, chất lượng cao, sạch, an toàn, có lợi cho sức khỏe, giá mua mía những vụ tới sẽ giảm, ảnh hưởng không ít đến thu nhập của người trồng mía, nguồn nguyên liệu cung cấp cho nhà máy sẽ khó khăn hơn...

Từ những dự báo thị trường đường những năm tới và căn cứ vào các điều kiện cụ thể, chúng ta đã tạo dựng trong những năm qua. Với gần 4.000 ha đất nông, lâm nghiệp, cùng với những cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ tiên tiến, với đội ngũ công nhân có trình độ tay nghề cao và đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý giỏi, sáng tạo đổi mới luôn tâm huyết gắn bó với doanh nghiệp, đặc biệt một tài sản lớn của LASUCO là mối quan hệ hợp tác liên kết của hàng vạn nông dân trồng mía cùng sự hỗ trợ hiệu quả của các cấp ủy, chính quyền vùng mía và trong tỉnh, là sức mạnh vật chất không dễ gì có được; Hệ thống thị trường, mạng lưới bán buôn, bán lẻ cùng đội ngũ bạn hàng đã được thiết lập sẽ được củng cố và phát triển trong năm tới là những cơ sở vững tin cho kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2018-2019.

Chúng tôi kính đề nghị và mong muốn các quý vị cổ đông cùng các nhà đầu tư quan tâm, động viên hỗ trợ tạo thêm động lực mới cho bước đường phát triển mới của LASUCO.

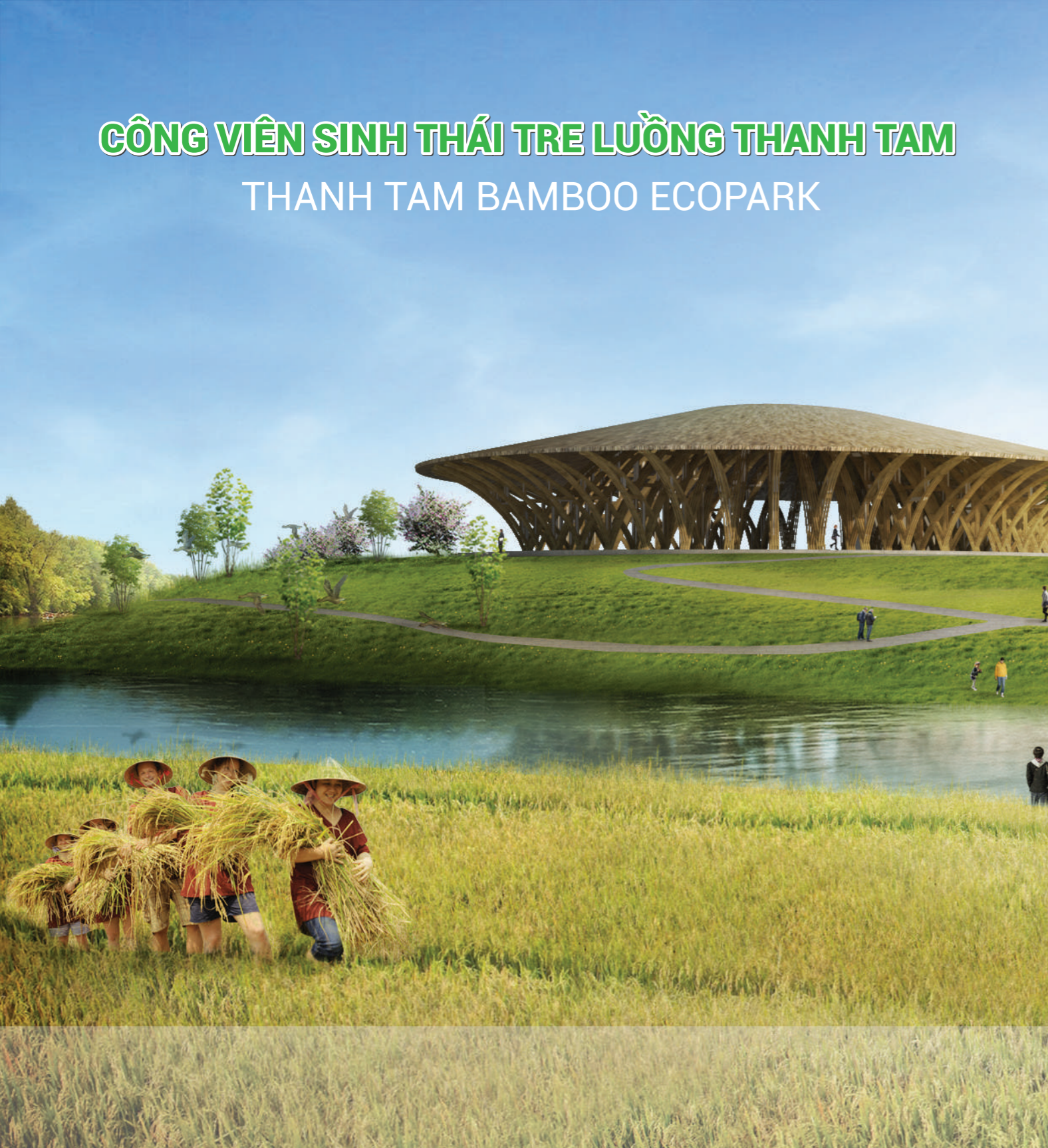
Trân trọng./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

AHLĐ. Lê Văn Tam

# CÔNG VIÊN SINH THÁI TRE LUỒNG THANH TAM

## THANH TAM BAMBOO ECOPARK



## PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển của Công ty



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch Tiếng Việt	Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Tên giao dịch tiếng Anh	Lam Son sugar cane Joint Stock Corporation
Tên viết tắt	LASUCO
Mã giao dịch	LSS
Mã số doanh nghiệp/MST	2800463346
Vốn điều lệ	700.000.000.000 đồng
Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.	
<b>Thông tin liên lạc:</b>	
Trụ sở chính	Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa
Điện thoại	0237 899 6667
Fax	02373 834 092
Email	info@lasuco.vn
Website	www.lasuco.com.vn   www.lasuco.vn

### Biểu tượng công ty:



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- 12/01/1980** ▶ Nhà máy được xây dựng theo quyết định số 24/TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng Nhà máy đường Lam Sơn với công suất 1.500 tấn mía/ngày, thiết bị và công nghệ của hãng FCB Cộng hòa Pháp; thời gian xây dựng kéo dài hơn 5 năm.
- 02/11/1986** ▶ Nhà máy đi vào sản xuất vụ đầu tiên.
- 10/1995** ▶ Thành lập Hiệp hội Mía đường Lam Sơn trong đó Công ty Đường Lam Sơn giữ vai trò thành viên sáng lập. Hiệp hội là đầu mối giữa Doanh nghiệp-Nông dân-Trí thức, nơi gìn giữ lòng tin của bà con nông dân để hỗ trợ, thúc đẩy các chương trình trồng trọt, nhân giống, phát triển vùng nguyên liệu mía cho nhà máy.
- 21/10/1996** ▶ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư Dự án Nhà máy đường Số II với tổng mức đầu tư 451,098 tỷ đồng.
- 1998 - 1999** ▶ Dự án đã đi vào hoạt động đưa năng lực sản xuất của Công ty lên 6.500 TMN, gấp 2,6 lần trước đầu tư.
- 09/01/2008** ▶ Cổ phiếu LSS của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ 300 tỷ đồng. Tổng tài sản trên 1.200 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu gần 800 tỷ đồng.

- 08/03/2012** ▶ Công ty hoàn thành đầu tư xây dựng Dự án nâng công suất Nhà máy đường số 2 từ 4.000 TMN lên 8.000 TMN với công nghệ tiên tiến gắn với Nhà máy điện 33,5MW, đưa tổng công suất toàn Công ty lên 10.500 TMN.
- 30/09/2013** ▶ Triển khai Dự án "Đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn". Tổng mức đầu tư của Dự án là 135 tỷ đồng. Với mục tiêu là : Quy hoạch và Xây dựng một Khu Nông nghiệp CNC đẳng cấp Quốc gia trên cơ sở hình thành Trung tâm Nông nghiệp CNC Bắc Miền Trung.
- 08/12/2015** ▶ Công ty long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 35 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương lao động hạng Nhì. Đây là sự kiện đánh dấu sự phát triển vượt bậc, nâng cao tầm vóc và vị thế của tập đoàn lên một tầm cao mới, sức mạnh trong thời kỳ đổi mới.
- 01/07/2016** ▶ Chính thức chuyển đổi mô hình quản lý, đưa Công ty TNHH Trung tâm nghiên cứu và phát triển Nông nghiệp CNC Lam sơn hoạt động độc lập theo mô hình doanh nghiệp khoa học; đánh dấu bước chuyển biến mới, bám sát và thực hiện thành công mục tiêu ban đầu.
- 10/2017** ▶ Tổ chức thành công hội nghị tổng kết 22 năm ngành mía đường Việt Nam. Tái định vị thương hiệu LASUCO và công bố một số dòng sản phẩm mới - Tất cả là tự nhiên.
- 02/2018** ▶ Khởi công xây dựng Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam với tổng diện tích 159,58 ha. Trên địa bàn 2 huyện Thọ Xuân và Thường Xuân Tỉnh Thanh Hóa.



lasuco

since 1980

Tất cả là tự nhiên

Thanh Tam Bamboo Ecopark



## TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### TẦM NHÌN:

Xây dựng và phát triển LASUCO trở thành một tập đoàn Nông nghiệp chuyên sâu, uy tín thương hiệu toàn cầu, tập trung vào chuỗi giá trị dinh dưỡng cao theo hướng hữu cơ và hữu cơ đến từ tự nhiên.

### SỨ MỆNH:

LASUCO cam kết

- Tất cả các sản phẩm được sản xuất và cung cấp ra thị trường là sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ, theo hướng hữu cơ đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng toàn cầu bằng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến thân thiện môi trường "Vì chất lượng cuộc sống, vì sức khỏe con người".
- Cùng với nông dân làm giàu và Hợp tác phát triển bền vững vì cộng đồng.
- Với mục tiêu: Tất cả là tự nhiên

### GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

- Chất lượng - Tín nhiệm - Hiệu quả: Chất lượng là mục tiêu hàng đầu, luôn giữ chữ tín trong mọi cam kết, lấy hiệu quả là thước đo chất lượng công việc.
- Trách nhiệm - thân thiện - bền vững: Giữ trách nhiệm đến cùng, luôn tạo quan hệ thân thiện nhân văn, xây dựng bền vững các mối quan hệ trên cơ sở cùng có lợi.
- Sáng tạo - Đổi mới - Năng động: Là động lực quan trọng đổi mới Lasuco, là thước đo hiệu quả trong lao động cống hiến của mỗi thành viên LASUCO.

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

### Ngành nghề kinh doanh chính:

Công nghiệp sản xuất đường, điện; Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao: Rau, Hoa, quả cao cấp; Sản xuất lúa gạo hữu cơ; Sản xuất vật liệu xây dựng.

### Ngành nghề kinh doanh khác:

- Công nghiệp nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu.
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm nông sản, thực phẩm, kinh doanh thương mại, khách sạn, ăn uống, xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

### Mục tiêu của Công ty:

Xây dựng và phát triển LASUCO thành tập đoàn kinh tế Nông nghiệp chuyên sâu bền vững, sản xuất, chế biến nông sản thực phẩm sạch theo hướng hữu cơ đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; Đảm bảo hài hòa các mối quan hệ lợi ích bền vững giữa Cổ đông - Người trồng mía - Người lao động trong doanh nghiệp và lợi ích xã hội, cộng đồng.

### Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

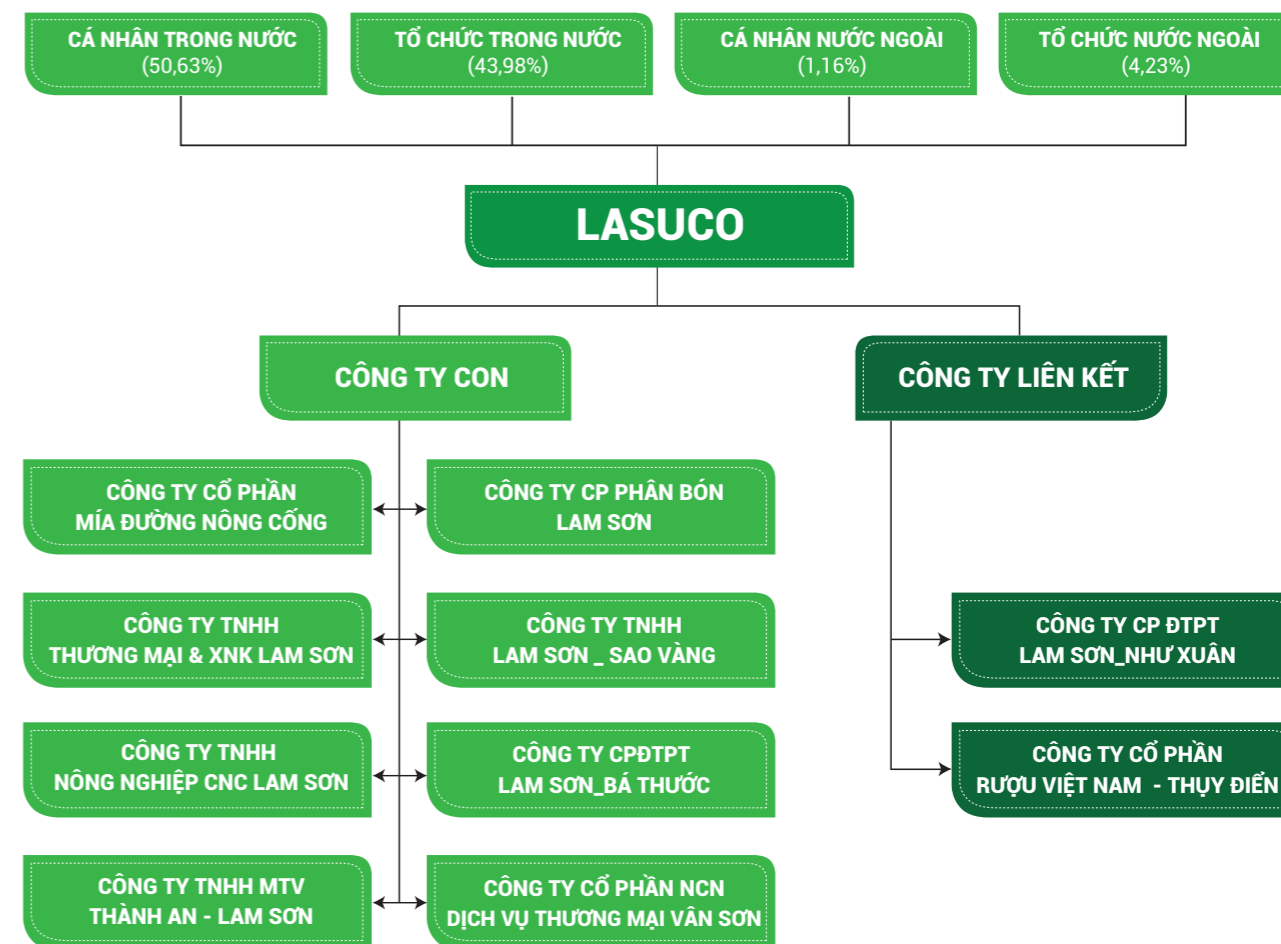
Tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

### Địa bàn kinh doanh:

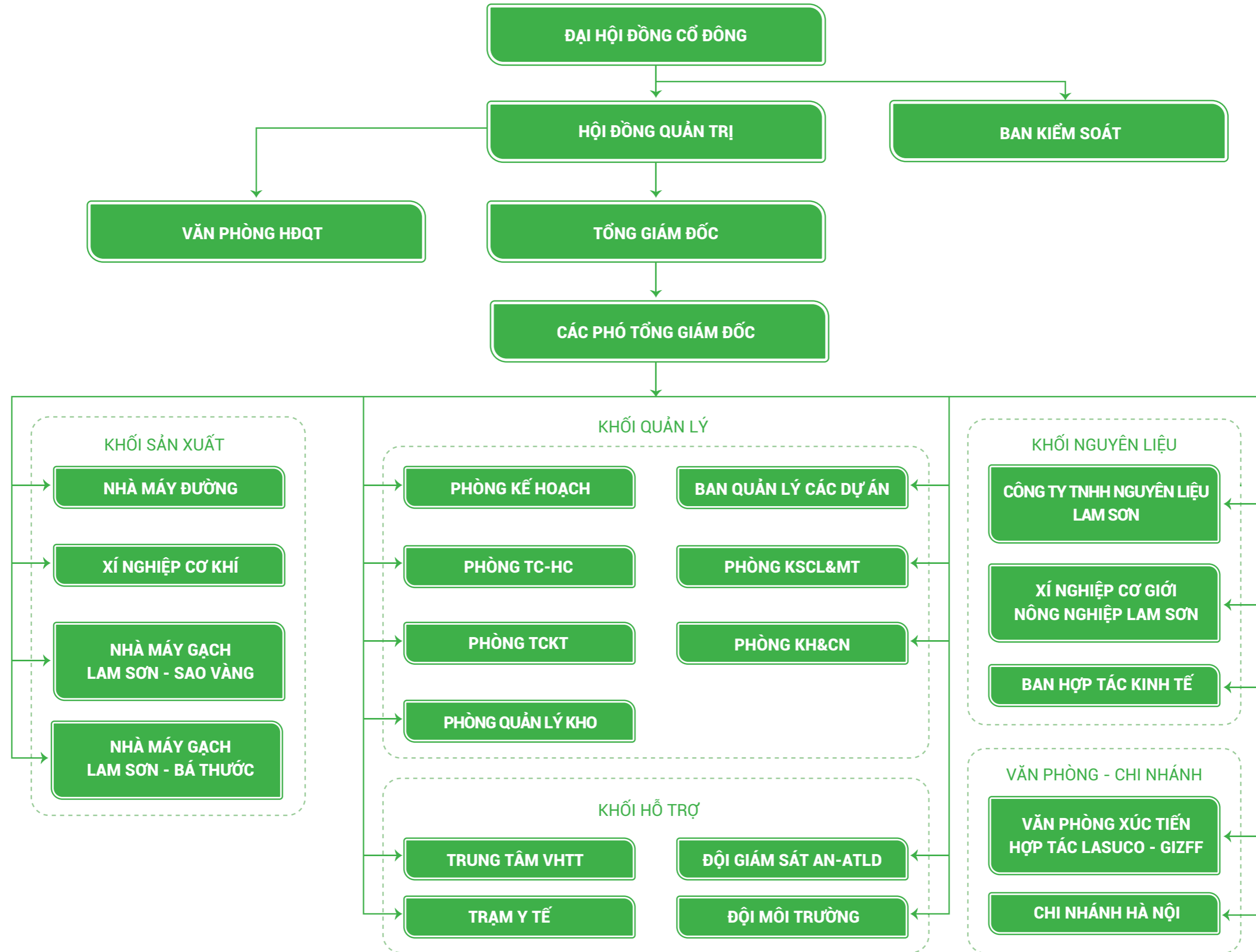
Xây dựng và phát triển hệ thống thị trường trong nước, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, triển khai có hiệu quả chương trình xuất khẩu và nhập khẩu.

## SƠ ĐỒ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



## II. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





## QUẢN TRỊ CÔNG TY

### GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông LÊ VĂN TAM**  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Sinh ngày: 10/11/1937  
 Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế

#### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 10/1971 - 6/1975:	Công tác tại phòng Kế hoạch - Ty NN Tỉnh Thanh Hóa.
Từ 7/1975 - 1/1977:	Phó phòng Kế hoạch - Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
Từ 2/1977 - 6/1978:	Trưởng phòng Kế hoạch - Ty NN Tỉnh Thanh Hóa.
Từ 7/1978 - 6/1986:	Phó giám đốc Sở Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa
Từ 7/1982 - 10/1988:	Phó giám đốc Sở Nông nghiệp, kiêm Trưởng Ban quản lý xây dựng vùng mía Thanh Hóa.
Từ 11/1988 - 6/1992:	Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty mía đường I, Phó Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Nhà máy đường Lam Sơn.
Từ 11/1992 - 12/1999:	Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty mía đường I, Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Phó Bí thư Đảng ủy, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty đường Lam Sơn.
Từ 2000 - 2007:	Chủ tịch Hiệp hội mía đường Việt Nam.
Từ 2000 - 4/2011:	Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn.
Từ 5/2011 đến nay:	Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn. Đại biểu Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa IX (1992 – 1997) và Khóa X(1997 – 2002)



**Bà LÊ THỊ TIẾN**  
 P. Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị  
 Sinh ngày: 11/10/1968  
 Trình độ học vấn: Thạc sỹ Kinh tế.  
 Cử nhân Tài chính - Kế toán

#### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Tháng 12/1989:	Tốt nghiệp ĐH về công tác tại Công ty đường Lam Sơn.
Từ 12/1989 - 8/1995:	NV Phòng TCKT - Công ty đường Lam Sơn.
Từ 8/1995 - 8/2001:	Phó phòng TCKT – Công ty đường Lam Sơn.
Từ 8/2001 - 7/2006:	Kế toán trưởng Công ty, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Thành viên HĐQT Khóa II – Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
Từ 7/2006 - 4/2011:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty.
Từ 5/2011 đến nay:	Phó Bí thư, Bí thư Đảng ủy Công ty, Phó Chủ tịch HĐQT.



**Ông LÊ TRUNG THÀNH**  
 P. Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Sinh ngày: 10/5/1965  
 Trình độ học vấn: Cao cấp lý luận Chính trị.  
 Cử nhân Quản trị kinh doanh

#### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 1993 - 2003	Giám đốc Chi Nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
Từ 2003 - 2004	Học tại Học Viện Chính trị Quốc Gia HCM
Từ 2004 - 2006:	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Mía đường Lam Sơn
Từ 2007 - 2012:	Giám đốc Công ty TM - Du Lịch Lam Sơn
Từ 2013 đến 01/2016:	Giám đốc Trung Tâm Thương mại Lam Sơn - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn; Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ Đầu tư các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương Mại Lam Hà.
Từ 01/2016 - 10/2016:	Phó Tổng giám đốc phụ trách Thương mại, giám đốc Trung tâm Thương mại. Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Nông Cống.
Từ 10/2016 đến nay:	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn; Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Nông Cống.



**Ông PHÙNG THANH HẢI**  
 Thành viên Hội đồng quản trị  
 Sinh ngày: 22/11/1965  
 Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

Từ 10/1986 - 6/1996:	Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty đường Lam Sơn.
Từ 7/1996 - 2/2017:	Kế toán trưởng Hiệp hội mía đường Lam Sơn
Từ 7/2003 - 4/2011:	Kiểm soát viên - Ban kiểm soát Công ty CP mía đường Lam Sơn nhiệm kỳ II và III.
Từ 12/2014 đến nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phân bón Lam Sơn
Từ 6/2014 đến nay:	Thành viên HĐQT - Phó Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn.



**Ông LÊ VĂN TIẾN**  
 Thành viên Hội đồng quản trị  
 Sinh ngày: 10/8/1965  
 Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

Từ 6/1986 - 12/1987:	Kế toán Công ty giống cây trồng Thanh Hóa
Từ 1/1988 - 1992:	Kế toán xí nghiệp sứ Hàm Rồng Thanh Hóa.
Từ 1992 - 1/2004:	Chi cục Thuế thành phố Thanh Hóa: Cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng và Phó Chi cục Thuế Thanh Hóa (1997 - 2004)
Từ 2/2004 - 7/2006:	Công tác tại Cục Thuế Thanh Hóa đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng thanh tra.
Từ 8/2006 - 2011:	Công tác tại Công ty CP mía đường Lam Sơn. Đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT kiêm chủ tịch HĐQT Công ty CP vận tải Lam Sơn.
Từ 2011 đến nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP xây dựng số 3; Tổng Công ty ĐTTC Hà Thành, Công ty CP Lam Sơn - Như Xuân.
Từ 10/2016 đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.

**GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT**



**Bà ĐỖ THỊ THANH HÀ**  
 Trưởng ban kiểm soát  
 Sinh ngày: 10/10/1982  
 Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

Từ 01/2005 - 06/2011:	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán.
Từ 06/2011 - 10/2016:	Phó Phòng Tài chính Kế toán.
Từ 10/2016 đến nay:	Trưởng BKS Công ty CP mía đường Lam Sơn.
	Trưởng BKS Công ty CP mía đường Nông Cống



**Ông ĐỖ VĂN MẠNH**  
 Thành viên Ban kiểm soát  
 Sinh ngày: 03/09/1959  
 Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

Từ 05/1978 - 05/1982:	Tham gia quân đội Sư đoàn 325, quân đoàn II.
Từ 1982 - 1989:	Cán bộ phòng vật tư Nhà máy đường Lam Sơn.
Từ 1990 - 12/1999:	Kế toán viên Công ty đường Lam Sơn.
Từ 01/2000 đến nay:	Thành viên BKS của Công ty CP mía đường Lam Sơn.



**Bà LÊ THỊ TÌNH**  
 Thành viên ban kiểm soát  
 Sinh ngày: 26/3/1970  
 Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

Từ 02/1992 - 10/1996:	Thống kê, kế toán của Đoàn vận tải Công ty.
Từ 10/1996 - 08/2006:	Trưởng bộ phận kế toán Nhà máy cồn 1.
Từ 08/2006 - 11/2007:	Trưởng bộ phận kế toán Nhà máy đường 2
Từ 11/2007 - 4/2011:	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán
Từ 05/2011 đến nay:	Thành viên BKS của Công ty CP mía đường Lam Sơn.

## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



**Ông LÊ VĂN PHƯƠNG**  
Tổng giám đốc công ty

Sinh ngày: 05/11/1977  
Trình độ học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh  
Cử nhân CĐ Công nghệ thực phẩm

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 01/1999 - 01/2005:	Nhân viên Phòng kiểm soát chất lượng và môi trường.
Từ 02/2005 - 10/2007:	Nhân viên Phòng công nghệ thông tin.
Từ 11/2007 - 07/2008:	Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường;
Từ 08/2008 - 08/2009:	Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường.
Từ 09/2009 - 05/2014:	Trưởng phòng công nghệ thông tin. Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng và môi trường.
Từ 06/2014 đến nay:	Tổng Giám đốc Công ty.



**Ông LÊ VĂN QUANG**  
Phó Tổng giám đốc công ty

Sinh ngày: 05/11/1977  
Trình độ học vấn: Cử nhân kế toán  
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 2001 - 2005:	Nhân viên Phòng Tài chính kế toán.
Từ 2006 - 4/2011:	Kiểm soát viên - Ban kiểm soát.
Từ 2009 - 2011:	Thành viên BKS Công ty Cổ phần mía đường Sơn La
Từ 4/2011 - 10/2016:	Trưởng Ban kiểm soát.
Từ 2014 đến nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP phân bón Lam Sơn.
Từ 10/2016 đến nay:	Phó Tổng giám đốc thường trực phụ trách nội vụ và kinh doanh.



**Ông LÊ BÁ CHIỀU**  
Phó Tổng giám đốc công ty

Sinh ngày: 10/4/1976  
Trình độ học vấn: Kỹ sư nông nghiệp

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 12/10/1998-24/8/2001:	Nhân viên Phòng Nguyên liệu.
Từ 25/8/2001-16/9/2003:	Nhân viên kế toán - Xí nghiệp sản phẩm mới.
Từ 17/9/2003 - 23/12/2003:	Nhân viên xí nghiệp nguyên liệu và Dịch vụ Vận tải
Từ 24/12/2003- 15/5/2009:	Nhân viên phòng Kế hoạch đầu tư.
Từ 16/5/2009- 21/11/2009:	Cán bộ trưởng Cao đẳng nghề Lam Kinh
Từ 22/11/2009- 28/2/2011:	Phó phòng NL - Công ty CP mía đường Lam Sơn.
Từ 1/3/2011 - 29/5/2014:	Giám đốc Công ty CPĐTPT Lam Sơn - Bá Thước.
Từ 30/5/2014-04/2016:	Phó tổng giám đốc phụ trách Nguyên liệu - Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
Từ tháng 04/2016 đến nay:	Phó Tổng giám đốc kiêm giám đốc Công ty TNHH Trung tâm NC&PT Nông nghiệp CNC Lam Sơn.



**Ông NGUYỄN DUY THÀNH**  
Phó Tổng giám đốc công ty

Sinh ngày: 01/05/1968  
Trình độ học vấn: Kỹ sư cơ khí

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 10/1992 - 09/1994:	Công ty thuốc lá Thanh Hoá.
Từ 10/1994 - 08/2000:	Kỹ sư cơ khí, Công ty đường Lam Sơn
Từ 09/2000 - 07/2006:	Kỹ sư cơ khí, phó giám đốc Nhà máy đường số 1, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 08/2006 - 04/2011:	Kỹ sư cơ khí, Giám đốc Nhà máy đường số 1, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Từ 05/2011 - 04/2014:	Ban dự án nâng cấp Nhà máy đường 2, Phụ trách bộ phận cơ khí, Công ty CP mía đường Lam Sơn
Từ 05/2014 đến nay:	Phó Tổng giám đốc, Công ty CP mía đường Lam Sơn



**Ông LÊ VĂN TÂN**

Phó Tổng giám đốc công ty

Sinh ngày: 15/8/1971

Trình độ học vấn: Kỹ sư điện tự động hóa

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

Từ 09/1989 đến 06/1999:	Làm tại Xưởng SX bánh kẹo Công ty đường Lam Sơn.
Từ 07/1999 đến 06/2005:	Kỹ thuật tự động hóa Công ty CP mía đường Lam Sơn.
Từ 05/2005 đến 01/2007:	Quản đốc tại Công ty TNHH Sữa Milas.
Từ 2/2007 đến 9/2011	Chủ tịch HĐQT-Công ty CP thiết bị TĐH An Phát.
Từ 10/2011 đến 05/2015:	Phó phòng kinh doanh Công ty CP mía đường Lam Sơn.
Từ 06/2015 đến 09/2017:	Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP phân bón Lam Sơn.
Từ 10/2017 đến nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn; Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP phân bón Lam Sơn.



**Bà LÊ THỊ HUỆ**

Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TC-KT

Sinh ngày: 28/8/1971

Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

Từ 1993 - 2003	Kế toán - Phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn
Từ 2003 - 2006	Phó trưởng Phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn
Từ 2011 - 2013	TV Ban đại diện quỹ Đầu tư chứng khoán Tiger Fund
Từ 2006 - 2016	Kế toán trưởng - Trưởng phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn
01/01/2016 đến nay	Kế toán trưởng – Trưởng phòng TCKT Công ty CP Mía đường Lam Sơn Ủy viên HĐQT Công ty CP mía đường Nông công

**NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH**

Quyết định số 405 QĐ/ĐLS-TCHC ngày 05/10/2017 của Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm Ông Lê Văn Tân giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 05/10/2017.

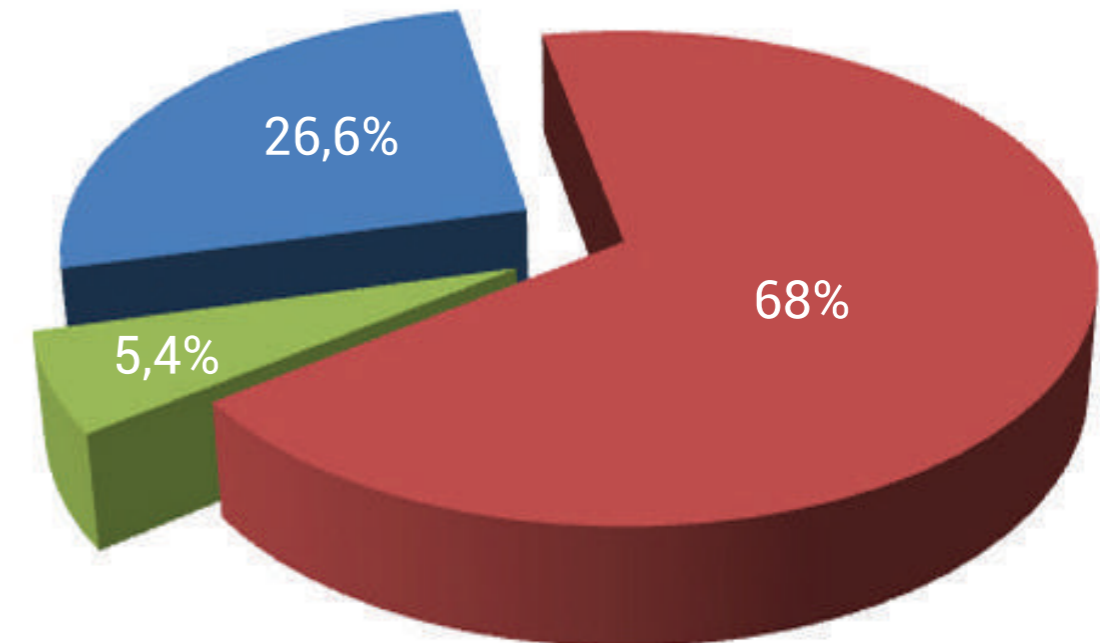
Quyết định số 03 QĐ/ĐLS-TCHC ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với Ông Nguyễn Văn Lâm để nghỉ hưởng chế độ BHXH.

**TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG**

**Số lượng lao động - Trình độ lao động:**

Năm tài chính 2017/2018, Tổng số lao động toàn Công ty có 763 người; trong đó lao động đại học trở lên là 203 người chiếm 26,6%; Lao động cao đẳng trung cấp 518 người chiếm 68%; lao động phổ thông chiếm 5,4%. Nếu tính theo độ tuổi: Lao động trong độ tuổi vàng chiếm 94%, lao động trên 50 tuổi chiếm 6%.

Năng suất lao động theo sản lượng mía đường tăng 31% so cùng kỳ năm trước; TNBQ đầu người ổn định từ 7.700.000 - 7.800.000 đồng/người/tháng.



■ Đại học - Trên đại học    ■ Cao đẳng - Trung cấp    ■ Lao động phổ thông

**Chính sách với người lao động:**

Công ty luôn quan tâm chú trọng và đảm bảo tốt nhất các điều kiện lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như lực lượng lao động vùng mía như: Khám sức khỏe định kỳ mỗi năm ít nhất 1 lần cho CBCNV, người lao động; đồng thời bố trí công việc phù hợp nhất với điều kiện sức khỏe cá nhân; Công tác đo kiểm môi trường làm việc được thực hiện hàng năm, nhằm có những giải pháp kịp thời cải thiện môi trường lao động, xây dựng các chế độ chính sách phù hợp trong lao động, khuyến khích kịp thời các đối tượng lao động; Chế độ bảo hộ lao động và phương tiện phòng hộ cá nhân cũng như công tác kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt được thực hiện nghiêm túc, chế độ phúc lợi, chế độ BHXH luôn luôn bảo đảm đúng đủ và kịp thời.

## CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

### CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN LAM SƠN

Trụ sở chính: Thôn Đá Dựng - Xã Xuân Phú - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa  
Vốn điều lệ: 15.500.000.000 đồng (Mười lăm tỷ năm trăm triệu đồng)  
Góp vốn của Lasuco: 13.950.000.000 đ, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty.



Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000123, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa cấp. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 ngày 27/07/2015 với mã số doanh nghiệp là 2800783723.

#### Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Kinh doanh, XNK phân bón các loại.
- San lấp mặt bằng.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi.
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.
- Xử lý hạt giống để nhân giống.

### CÔNG TY TNHH LAM SƠN - SAO VÀNG

Trụ sở chính: Thị trấn Sao Vàng - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa  
Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)  
Góp vốn của Lasuco: 20.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.



Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH có hai thành viên trở lên số 2800786957, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

#### Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây mía; cao su; cây ăn quả và trồng cây hàng năm khác.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
- Chế biến và bảo quản rau quả; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh và trồng cây lâu năm khác.

### CÔNG TY CP ĐPTT LAM SƠN - BÁ THƯỚC

Trụ sở chính: Phố 3 - TT. Cảnh Nang - Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa  
Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn)  
Vốn thực góp: 13.500.000.000 đồng (Mười ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)



Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần ngày 18/02/2011, mã số doanh nghiệp là 2801664422.

**Góp vốn của Lasuco:** 13.500.000.000 đ, chiếm 100% vốn điều lệ thực góp của Công ty

**Ngành nghề kinh doanh:** Trồng cây mía, Trồng cây gia vị, cây dược liệu

- Khai thác gỗ, thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng, sản xuất bao bì bằng gỗ, sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
- Khai thác xử lý và cung cấp nước
- Trồng rau, đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, trồng cây hàng năm khác.

### CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÂN SƠN

Trụ sở chính: Xã Vân Sơn - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa  
Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng chẵn)  
Vốn điều lệ thực góp: 11.400.000.000 đồng (Mười một tỷ bốn trăm)



Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801751192 ngày 09/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Góp vốn của Lasuco: 11.400.000.000 đ, chiếm 100% vốn điều lệ đã góp của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây mía, cây lấy củ có chất tinh bột, rau đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, cây hàng năm khác.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.
- Chăn nuôi trâu bò, lợn, gia cầm và chăn nuôi khác.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch.
- Xử lý hạt giống để nhân giống, trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Khai thác gỗ, khai thác lâm sản, trừ gỗ.
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khoáng hóa chất và khoáng phân bón.

## CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG

Trụ sở chính: Xã Thăng Long - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 20.844.000.000 đồng (Hai mươi tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 11.800.000.000 đ, chiếm 56,61% vốn điều lệ của Công ty.



Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2800492925 ngày 29/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/01/2017.

### Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất đường, bán buôn tổng hợp, hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (kinh doanh xăng, dầu);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Trồng cây mía, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị vật tư ngành chế biến đường).
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa)
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
- Rèn, dập, ép và cán kim loại. xử lý và tráng phủ kim loại, sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm), sửa chữa thiết bị khác
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, sửa chữa thiết bị điện;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn và chuyển giao công nghệ trồng mía, giống mía; Tư vấn và chuyển giao công nghệ chế biến đường
- Sản xuất các sản phẩm sau đường; Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

Trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa  
Vốn điều lệ: 139.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi chín tỷ đồng chẵn)  
Góp vốn của Lasuco: 139.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.



Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2802243177 ngày 23/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Thay đổi lần 1 ngày 11/08/2017

### Ngành nghề kinh doanh:

- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp.

- Trồng cây mía
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh, trồng cây hàng năm khác
- Trồng cây ăn quả
- Trồng cây lâu năm khác
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, dịch vụ sau thu hoạch.
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Xử lý hạt giống để nhân giống, Chế biến và bảo quản rau quả
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

## CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & XNK LAM SƠN

Trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng (Hai sáu tỷ đồng chẵn)



Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2802449548 ngày 20/03/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

### Ngành nghề kinh doanh:

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán buôn thực phẩm, chế biến và bảo quản rau quả
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
- Bán buôn gạo, bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn đồ uống.

## CÔNG TY TNHH THÀNH AN - LAM SƠN

Trụ sở chính: Xã Thọ Xương - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 1.800.000.000 đ, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.



Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801078996 ngày 22/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07/06/2016 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Thanh hóa cấp.

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh xăng dầu
- Chế biến kinh doanh hàng lâm sản, trang trí nội thất
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng
- Vận tải hành khách bằng xe bus, xe taxi, vận tải khách du lịch.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước.
- Kinh doanh hàng điện tử, điện dân dụng
- Dịch vụ cơ khí, sửa chữa ô tô, kinh doanh phụ tùng ô tô xe máy
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống, thể thao giải trí.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

**CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SƠN - NHƯ XUÂN**

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801700568 ngày 18/07/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Thôn 8 - Xã Xuân Hòa - Huyện Như Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 15.000.000.000 đ, chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Trồng cây mía.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác.
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU VIỆT NAM - THỤY ĐIỂN**

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 ngày 20/09/2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp và chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 22/02/2011.

Trụ sở chính: Lô CN - B3 - KCN Phú Nghĩa - Xã Phú Nghĩa - Huyện Chương Mỹ - Tp Hà Nội

Vốn điều lệ: 56.005.000.000 đồng (Năm sáu tỷ, không trăm lẻ năm triệu đồng)

Góp vốn của Lasuco: 21.500.000.000 đ, chiếm 30,71% vốn điều lệ của Công ty

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- Đóng chai các loại rượu.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Kinh doanh các loại rượu và đồ uống khác do Công ty sản xuất.
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan.

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY**

Phát huy truyền thống đơn vị Anh Hùng lao động, Lasuco không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh ngành cốt lõi: Mía – Đường – Điện, các sản phẩm cạnh đường và sau đường, sản phẩm Nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ cao, tăng trưởng xanh theo hướng hữu cơ; xây dựng và phát triển chuỗi giá trị nông, công nghiệp, thương mại bền vững; nâng cao đời sống và việc làm cho người lao động, đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích, thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

**NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP****1. Các chỉ tiêu chủ yếu:**

Phấn đấu tổng doanh thu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên đến năm 2020 đạt trên 6.500 tỷ đồng. Trong đó Công ty mẹ: trên 5.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ đồng, nộp ngân sách trên 250 tỷ đồng, và thu nhập BQ của CBCN 15 triệu đồng/người/tháng, vốn điều lệ 1.500 tỷ đồng, cổ tức 15%, tỷ suất lợi nhuận của nông dân 40%, năng suất đường đạt 12 tấn/ha mía. Đến 2025 doanh thu đạt trên 12.000 tỷ đồng.

**2. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu:****2.1. Tập trung triển khai 5 Nhóm ngành trọng tâm:****+ NGÀNH MÍA ĐƯỜNG:**

**Về nguyên liệu mía:** Tập trung cao xây dựng và phát triển bền vững vùng nguyên liệu. Thực hiện hợp tác chặt chẽ với 40 xã trọng điểm vùng mía, thay đổi quan hệ sản xuất một cách toàn diện với các HTX nông nghiệp trong vùng, thực hiện đồng bộ các giải pháp về cơ giới hóa nhằm thâm canh, tăng năng suất nguyên liệu, về tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.

**Về công nghiệp chế biến:** Khai thác có hiệu quả hệ thống thiết bị và công nghệ đã đầu tư và nâng cao công suất đồng phát điện, mục tiêu đến năm 2020 đạt 200.000 tấn đường, phát điện bán lên lưới 100.000 KWh. Cụ thể: tập trung vào cơ cấu lại sản phẩm theo chuẩn quốc tế; tiết kiệm năng lượng và NVL trong sản xuất; nâng cao hiệu suất tổng thu hồi và ứng dụng tự động hóa, giảm chi phí nhân công trong nhà máy.

Tập trung chế biến sâu các sản phẩm từ mía đường, các phụ phẩm, phát triển năng lượng tái tạo từ bã mía, các nguồn phế thải từ nông nghiệp: Công ty hiện đang vận hành nhà máy điện từ Bã mía công suất 33,5 MW/năm. Hàng năm có thể phát 100 triệu kwh nếu đảm bảo nguyên liệu, tạo doanh thu lên đến hàng trăm tỷ đồng. Phát triển công nghệ sinh học, thức ăn chăn nuôi từ mật rỉ...



## + NGÀNH HÀNG RAU QUẢ THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO

Thực hiện thành công chiến lược sản xuất giống chất lượng cao, sạch bệnh, quy mô công nghiệp cung cấp cho vùng mía đường Lam Sơn và các vùng miền trong nước; nhân giống và sản xuất rau, hoa, quả chất lượng cao **"vì chất lượng cuộc sống"**, giá trị gia tăng lớn cung cấp cho thị trường; là đầu mối chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp sạch- nông nghiệp hữu cơ, gắn với thu mua sản phẩm, bảo quản, chế biến cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Mục tiêu đến năm 2020 đạt 70.000 tấn giống các loại và đạt 50.000 tấn sản phẩm rau, quả, tỷ trọng doanh thu từ Nông nghiệp CNC 30-35%.



**Nghiên cứu triển khai xây dựng nhà máy công nghiệp chế biến rau quả, thực phẩm, đồ uống.**

## + NGÀNH LÚA GẠO HỮU CƠ:

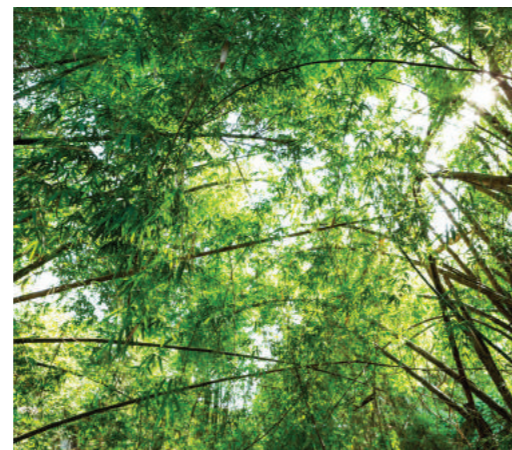
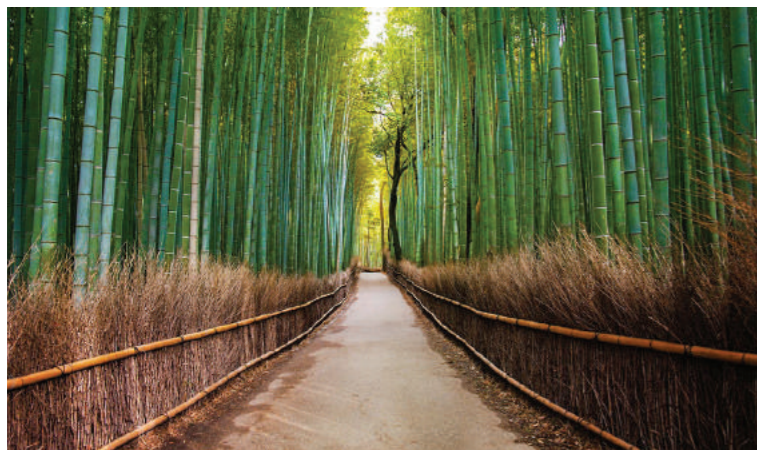
Phát triển vùng trồng lúa ứng dụng phương pháp hữu cơ, giảm phát khí thải nhà kính, thân thiện với môi trường. Mục tiêu chiến lược đạt diện tích 10.000 ha, tập trung tại các huyện đồng bằng của Tỉnh Thanh Hóa. Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất chế biến lúa gạo công suất 100.000 tấn sản phẩm/năm, các sản phẩm chế biến sâu như sữa gạo, tinh dầu cám gạo...



## + NGÀNH TRE LUỒNG XỨ THANH:

**Chương trình Tre luồng Xứ Thanh gồm 2 dự án:** Công viên sinh thái tại khu vực Lam Sơn và Nhà máy sản xuất tre ép công nghiệp tại Bá Thước.

Chương trình đầu tư khôi phục vùng tre luồng; Chăm sóc và khai thác các vùng nguyên liệu luồng thâm canh; Xây dựng thương hiệu tre luồng Xứ Thanh: Các chương trình trên gắn với chương trình xây dựng và phát triển Khu Du lịch sinh thái, lịch sử, tâm linh, nghỉ dưỡng.



Đầu tư ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến tre luồng tại các huyện miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa theo hướng bền vững và phát triển xanh gắn với cơ sở chế biến tre luồng xuất khẩu. Đầu tư dự án Nhà máy tre ép khối năm 2020 đưa vào sản xuất với công suất 30.000 m<sup>3</sup>/năm, đến năm 2025 đạt 100.000 m<sup>3</sup>/năm.



## + NGÀNH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU GẮN VỚI QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU LASUCO

Công ty xác định tập trung cho Thương mại - XNK là Chương trình quan trọng quyết định thành công Chiến lược phát triển của Công ty, tập trung phát huy quan hệ hợp tác quốc tế, sẵn sàng hội nhập sâu rộng, hướng tới thị trường xuất khẩu. Với mục tiêu đảm bảo hàng năm nhập khẩu và mua trong nước 30-40% sản lượng sản xuất trở lên để tinh luyện và sản xuất sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao từ mía đường. Đồng thời chuẩn bị các điều kiện và đào tạo nhân sự để mở rộng kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu các mặt hàng nhóm ngành đường, đồ uống cao cấp, các loại nông sản thực phẩm sạch & thực phẩm Organic phục vụ người tiêu dùng.



Xây dựng hệ thống bán lẻ, làm tốt công tác thương mại, thị trường trong nước. Mục tiêu Sản lượng bán lẻ hàng năm chiếm từ 30-40% tổng sản lượng của Công ty; phấn đấu tốc độ mở rộng các điểm bán lẻ từ nay đến năm 2020 tăng 30% trở lên. Từ 2020 đến 2025 tăng 10%; Trên cơ sở tái định vị Thương hiệu LASUCO, tích cực truyền thông quảng bá Thương hiệu LASUCO và LASUCO GROUP đến với người tiêu dùng trong và ngoài nước.

### 2.2. Các giải pháp chủ yếu:

\* **Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng, trí tuệ cao**, đảm bảo trình độ chuyên môn, hiểu biết ngoại ngữ, say mê và gắn bó với doanh nghiệp... đủ điều kiện để vừa giữ gìn phát huy thương hiệu ngành cốt lõi hiện nay vừa tiếp cận và triển khai các dự án mới giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2025.

\* **Đổi mới phương thức sản xuất** từ nhỏ, lẻ, manh mún, phân tán, thủ công sang phương thức sản xuất



cánh đồng mẫu lớn, quy mô tập trung, hiện đại và cơ giới hóa đồng bộ. Đây là giải pháp cấp bách và cơ bản đầu tiên để tạo bước đột phá cho sản xuất hàng hóa phát triển.

\* **Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ cao** vào sản xuất; phát triển nâng cao chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững từ nguyên liệu đến tổ chức sản xuất, chế biến bảo quản sản phẩm, đến tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nội địa và xuất khẩu; gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp- phát triển bền vững.

\* **Liên kết, hợp tác ngang - dọc** với địa phương, nông dân, các nhà khoa học, Viện khoa học và các doanh nghiệp từ sản xuất, chế biến bảo quản sản phẩm đến tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Trong đó vai trò của doanh nghiệp là trung tâm, đầu mối triển khai các chương trình hợp tác, liên kết.

\* **Tăng cường đầu tư cho công tác thương mại, thị trường, XNK:** Quan tâm đầu tư cho khâu thương mại thị trường, củng cố bộ máy tổ chức và nhân sự, coi trọng phát huy quan hệ hợp tác quốc tế. Đảm bảo hàng năm nhập khẩu đủ nguyên liệu để tinh luyện, đồng thời từng bước nâng dần tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.

\* **Giải pháp về tài chính:** Rà soát toàn bộ các nguồn lực tài chính của Lasuco và các đơn vị thành viên, phát huy hiệu quả các dự án đã đầu tư, khấu hao nhanh TSCĐ thu hồi vốn; giới thiệu quảng bá các chương trình dự án và kế hoạch chiến lược phát triển của Lasuco với nhà đầu tư, nâng cao giá trị doanh nghiệp, có chương trình kế hoạch huy động vốn từ các nhà đầu tư đảm bảo các dự án có tối thiểu 60% vốn Chủ sở hữu và huy động (bằng cổ phiếu hoặc trái phiếu); Nguồn vốn vay tín dụng không quá 40% tổng mức đầu tư. Tranh thủ các nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước và tận dụng tối đa, bám sát các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho đầu tư.

## CÁC RỦI RO

### 1. Rủi ro về nguyên liệu và vùng nguyên liệu:

**Rủi ro về thời tiết, khí hậu:** biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, nhiệt độ tăng dần, hạn hán, lũ lụt phức tạp và xảy ra với cường độ ngày càng tăng ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất, chất lượng mía. Đối với Lasuco vùng mía vẫn chiếm 70% đất đai nên hạn hán nếu xảy ra rủi ro thiệt hại không nhỏ.

**Rủi ro về chính sách của nhà nước về đất đai giảm diện tích vùng nguyên liệu:** quy hoạch cây trồng khác chông quy hoạch vùng mía đường, bên cạnh đó quy hoạch đô thị trên vùng mía đường Lam Sơn cũng làm giảm dần diện tích trồng mía; Các dự án mới của Lasuco đã và đang triển khai cũng gắn với đất đai, yếu tố quyết định nguyên liệu vì vậy rủi ro chính sách đất đai là rất lớn.

**Việc thu mua, vận chuyển mía, nông sản...** và các phế liệu từ nông nghiệp cho sản xuất có rủi ro cao trong lưu thông do hàng cồng kềnh, chi phí vận chuyển quá lớn, nguy cơ tăng chi phí SXKD.

**Vùng nguyên liệu của Lasuco** có tới 70% diện tích là mía đồi, manh mún, nhỏ lẻ khó áp dụng cơ giới hóa đồng bộ. Nguy cơ thiếu nhân công là rất lớn và chi phí nhân công tăng cao. Mặc dù Công ty đã có kế hoạch đưa mía xuống đất thấp nhưng phải triển khai dần trong nhiều năm. Bên cạnh đó nguồn nhân lực của Lasuco để đáp ứng cho các chương trình dự án mới đang là thách thức do đây là ngành mới, yêu cầu cao là điều kiện tiên quyết để đảm bảo triển khai các dự án thành công.

### 2. Rủi ro về thị trường:

Giá xăng dầu giảm thấp và còn phức tạp, sản xuất etanol từ mía không hấp dẫn, sẽ sản xuất đường

nhều hơn, rủi ro cung tăng, giá cả sẽ giảm. Mặc dù dự báo cho mùa vụ này mất mùa mía, hạn hán, lũ lụt và dân số thế giới vẫn tăng trưởng nhưng sức mua giảm nên vẫn rủi ro giá đường giảm.

### 3. Rủi ro về pháp lý:

Công ty điều hành hoạt động SXKD dựa trên sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành. Những thay đổi về môi trường pháp lý trong các lĩnh vực về thuế, hải quan, môi trường, lao động, tiền lương, chúng khoán yêu cầu công ty luôn phải cập nhật và đánh giá tác động đến các hoạt động SXKD.

### 4. Rủi ro về tài chính:

Liên quan đến khả năng kinh doanh hiệu quả với chính sách giá bán sản phẩm, dịch vụ; kiểm soát chặt chẽ giá thành, chi phí bộ máy; chi phí tài chính trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ở lĩnh vực mà Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh.



## PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án  
Tình hình tài chính

## NHỮNG ĐIỂM NHẤN NĂM TÀI CHÍNH 2017 - 2018

**1 Tháng 9/2017:** Đăng cai và tổ chức thành công Hội thao ngành mía đường toàn quốc và Hội nghị tổng kết 22 năm phát triển ngành mía đường Việt Nam. Nhân sự kiện này quảng bá và công bố Tái định vị thương hiệu LASUCO, chuyển đổi cơ cấu SXKD phù hợp với giai đoạn mới.



**2 Tháng 4/2018:** Công ty TNHH TM XNK Lam Sơn vào hoạt động và khai trương Trung tâm thương mại Xanh Lam Sơn đánh dấu sự chuyển mình trong công tác thương mại và tiêu thụ sản phẩm.



**3** Hoàn thành việc lắp đặt, xây dựng và đưa nhà máy sản xuất đường phèn vào hoạt động. Nhà máy có công suất 50 tấn/ngày được khách hàng đánh giá cao về chất lượng sản phẩm.

**4** Ký kết Hợp tác với các HTX trong vùng nguyên liệu về tiêu thụ sản phẩm nông sản. Mục tiêu đến năm 2020, liên kết với 40 Hợp tác xã, đây là những đơn vị chủ lực, nòng cốt cung cấp ổn định nguyên liệu mía cho NM đường và cung cấp các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.



**5 Tháng 2/2018:** Khởi công xây dựng khu công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam (Thanh Tam Bamboo ecopark). Đây là dự án có quy mô lớn, ngoài lợi ích về kinh tế, dự án còn mang tính xã hội có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong đó có du lịch, dịch vụ. Và là công trình có ý nghĩa tri ân, chào mừng Lễ kỷ niệm 600 năm khởi nghĩa Lam Sơn (1418-2018), 590 năm đăng quang của vua Lê Thái Tổ.

**Ngày 27/09/2018,** Tổ chức Lễ khai trương Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam (Thanh Tam Bamboo Ecopark) - Giai đoạn 1 và Khai mạc Hội chợ mùa thu Lam Kinh 2018.



**6** Công tác “Đền ơn đáp nghĩa”, công tác xã hội từ thiện, khuyến học tiếp tục được Công ty đặc biệt quan tâm. Các tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả và có nhiều chuyển biến; Nhiều hoạt động văn hóa, thể thao chào mừng các sự kiện gắn kết chặt chẽ liên minh Công - Nông- Trí vùng mía đường Lam Sơn để lại ấn tượng tốt đẹp.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Doanh thu các hoạt động:

Niên độ tài chính 2017/2018 cơ cấu doanh thu của Công ty như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	DOANH THU	KH NIÊN ĐỘ 2017 - 2018	TH NIÊN ĐỘ 2017 - 2018	% +/- TH/KH	NIÊN ĐỘ 2016-2017	% +/- 17/18 SO 16/17
1	Tổng doanh thu	2.500.000	1.365.687	55	2.127.129	64
-	Đường	2.035.000	1.184.213	58	1.956.499	59
-	Mật rỉ	88.550	50.930	58	61.510	83
-	Điện	32.947	34.694	105	32.329	123
-	Vật liệu xây dựng	55.175	30.555	55	46.905	64
-	Doanh thu khác	288.328	65.295	23	29.886	227
2	Doanh thu tài chính	-	8.563		10.168,51	84
3	Thu nhập khác	-	8.737		1.781	491

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh đến từ sản phẩm chính là đường, chiếm đến 85% trong tổng cơ cấu doanh thu. Doanh thu cả niên độ 2017/2018 chỉ bằng 55% kế hoạch nguyên nhân do ảnh hưởng từ khó khăn của thị trường: tồn kho đường tăng cao kỷ lục, tiêu thụ đình trệ nên sản lượng tiêu thụ thương mại chỉ đạt 62,3%KH, giá bán đường chịu ảnh hưởng tiêu cực đã giảm 14% so với KH năm đã tác động trực tiếp đến hoạt động SXKD của công ty.

### Chi phí Cơ cấu chi phí niên độ 2017/2018

ĐVT: Triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC PHÍ	KH NIÊN ĐỘ 2017 - 2018	TH NIÊN ĐỘ 2017 - 2018	% +/- TH/KH	NIÊN ĐỘ 2016-2017	% +/- 17/18 SO 16/17
1	Giá vốn hàng bán	2.109.000	1.164.705	55	1.785.683	65
2	Chi phí tài chính	40.300	43.371	108	28.964	150
3	Chi phí bán hàng	41.168	31.422	76	26.585	109
4	Chi phí quản lý	62.244	38.906	64	65.266	60
5	Chi phí khác	-	6.109	-	6.041	101

Sản lượng tiêu thụ thương mại chỉ đạt 62,3%KH, giá vốn 55% KH. Mặc dù trong năm 2017/2018 phải duy trì giá mua mía cao cho nông dân nhưng công ty đã cố gắng tiết giảm tối đa chi phí hạ giá thành sản phẩm 14% so với kế hoạch. Giá vốn hàng tồn kho từ vụ 2016/2017 ở mức cao làm cho giá vốn bình quân cả năm bình quân giảm 12,7% so với kế hoạch, thấp hơn tốc độ giảm giá bán 14%.

Chi phí tài chính tăng so với kế hoạch và tăng 50% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do doanh thu tụt giảm mạnh, phải cân đối từ nguồn vốn vay để chi trả hoạt động SXKD.

Chi phí quản lý được soát xét tiết giảm tối đa bằng 64% số kế hoạch.

Chi phí bán hàng cũng được tiết giảm đáng kể bằng 76% KH mặc dù trong điều kiện tiêu thụ hết sức khó khăn.

STT	DOANH THU	ĐVT	KH NIÊN ĐỘ 2017 - 2018	TH NIÊN ĐỘ 2017 - 2018	% +/- TH/KH	NIÊN ĐỘ 2015-2016	% +/- 17/18 SO 16/17
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	125.000	34.241	27	123.205	28
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	106.250	28.576	27	103.373	28
3	Lãi cơ bản/cổ phiếu	Đồng	1.517	415	27	1.477	28
4	Nộp ngân sách	Tr đồng	85.000	40.401	48	82.225	49

Lợi nhuận trước thuế cả năm chỉ đạt 34,241 tỷ đồng bằng 27% kế hoạch và bằng 28% cùng kỳ. Nguyên nhân do tốc độ giảm giá vốn thấp hơn tốc độ giảm giá bán, doanh thu tiêu thụ chỉ đạt 55% kế hoạch nhưng các chi phí hoạt động kinh doanh chủ yếu là các chi phí cố định nên mặc dù có tiết giảm nhưng mức giảm thấp hơn doanh thu.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ - THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### I. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN ĐẾN 30/06/2018

ĐVT: Đồng

STT	DỰ ÁN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	ĐÃ GIẢI NGÂN ĐẾN 30/6/2018
1	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đường phèn công suất 50 tấn ngày.	36.001.280.000	36.845.418.456
2	Dự án Công viên sinh thái Tre, Luồng Thanh Tam.	200.000.000.000	34.783.715.734
3	Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao sản xuất tre ép khối công nghiệp.	60.000.000.000	937.030.545
4	Dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu Dó bầu gắn với SXKD tinh dầu Tràm và các sản phẩm phụ từ Tràm.	50.000.000.000	7.423.470.385
<b>Tổng cộng</b>		<b>346.001.280.000</b>	<b>79.989.635.120</b>

### II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### 1. Tình hình tài chính:

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TỪ NGÀY 01/07/2017 - 30/06/2018	TỪ NGÀY 01/07/2016 - 30/06/2017	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	2.453,733	2.410,440	1,79
Doanh thu thuần	1.301,455	2.023,794	(35,69)
Lợi nhuận từ HDDKD	31,613	127,464	(75,19)
Lợi nhuận khác	2,628	(4,259)	(161,7)
Lợi nhuận trước thuế	34,241	123,205	(72,2)
Lợi nhuận sau thuế	28,576	103,372	(72,3)

## 2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	ĐVT	TỪ NGÀY 01/07/2017 - 30/06/2018	TỪ NGÀY 01/07/2016 - 30/06/2017
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,65	3,04
+ Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,67	0,66
+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,15	1,27
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	37,75	32,91
+ Hệ số Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	62,25	67,09
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần	3,1	3,69
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0,54	0,82
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,19	5,11
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,91	6,55
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,16	4,29
+ Hệ số Lợi nhuận trước thuế /Doanh thu thuần	%	2,63	6,09

## IV. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### 1. Cổ phần:

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 08/05/2018, vốn điều lệ của Công ty như sau :

Vốn điều lệ của Công ty	700.000.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	70.000.000 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.994.950 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	3.005.050 cổ phiếu
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	5.367.200 cổ phiếu
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	64.632.800 cổ phiếu

### 2. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 08/05/2018, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

CỔ ĐÔNG	SL CỔ ĐÔNG	SL CỔ PHẦN	TỶ TRỌNG
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.271</b>	<b>70.000.000</b>	<b>100</b>
<b>CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI</b>	<b>93</b>	<b>3.773.825</b>	<b>5,39</b>
Cổ đông là tổ chức	17	2.962.504	4,23
Cổ đông là cá nhân	76	811.321	1,16
<b>CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC</b>	<b>2.178</b>	<b>66.226.175</b>	<b>94,61</b>
Cổ đông là tổ chức	35	30.788.324	43,98
Cổ đông là cá nhân	2.143	35.437.851	50,63

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất vào ngày 08/05/2018, Cổ đông nước ngoài nắm giữ 3.773.825 cổ phiếu, tỷ lệ nắm giữ 5,39% với số lượng là 93 cổ đông. Trong đó 17 cổ đông là Tổ chức nắm giữ 2.962.504 cổ phiếu, tỷ lệ 4,23%, còn lại 76 cổ đông là cá nhân nắm giữ 811.321 cổ phiếu, tỷ lệ 1,16%.

Cổ đông trong nước nắm giữ 66.226.175 cổ phiếu, tỷ lệ nắm giữ 94,61% với số lượng là 2.178 cổ đông. Trong đó 35 cổ đông là Tổ chức nắm giữ 30.788.324 cổ phiếu, tỷ lệ 43,98%, còn lại 2.143 cổ đông là cá nhân nắm giữ 35.437.851 cổ phiếu, tỷ lệ 50,63 %.

### 3. Danh sách cổ đông lớn sở hữu từ 5% số lượng cổ phiếu trở lên tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 08/05/2018

STT	CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SL CỔ PHIẾU	TỶ LỆ
1	Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa	15.635.190	22,3
2	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Đầu Tư Thăng Long Hà Nội	Số 6, Ngõ 53 Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	4.533.116	6,5
3	Nguyễn Thị Phương	458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	4.835.929	6,9
	<b>Tổng cộng</b>		<b>25.004.235</b>	<b>35,7</b>

**4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ tại 30/09/2018:**

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	TỔNG CỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
<b>A</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			
1	Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	2.386.180	3,4
2	Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT	86.512	0,12
3	Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	1.532.052	2,18
4	Lê Văn Tiến	Ủy viên HĐQT	1.788.962	2,56
5	Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	5.000	0,01
<b>B</b>	<b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>			
1	Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	3.130	0,01
2	Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng giám đốc	4.712	0,01
3	Lê Văn Quang	Phó Tổng giám đốc	84.250	0,12
4	Lê Bá Chiêu	Phó Tổng giám đốc	52.240	0,07
5	Lê Văn Tân	Phó Tổng giám đốc	966.360	1,38
<b>C</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>			
1	Đỗ Thị Thanh Hà	Trưởng BKS	5.000	0,01
2	Lê Thị Tĩnh	Thành viên BKS	9.055	0,01
3	Đỗ Văn Mạnh	Thành viên BKS	21.250	0,03
<b>D</b>	<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>			
1	Lê Thị Huệ	Kế toán trưởng	56.875	0,08

**5. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm công ty không có đợt tăng vốn cổ phần

**6. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Thực hiện Nghị quyết số 493NQ/ĐLS-HĐQT ngày 10/11/2017 của Hội đồng quản trị về việc mua lại cổ phiếu quỹ. Theo đó, Công ty đã mua 3.005.050 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ.

Thời điểm thực hiện giao dịch: Từ ngày 10/01/2018 - 08/02/2018

Giá giao dịch bình quân : 10.922 đồng/CP

**7. Các chứng khoán khác: không có.**





### **PHẦN III: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh - Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý  
Kế hoạch phát triển trong tương lai



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### 1. Tình hình tài sản:

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	% TĂNG GIẢM	
			GIÁ TRỊ	%
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>978.458</b>	<b>906.212</b>	<b>72.246</b>	<b>7,97</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.925	50.996	-41.071	- 80,54
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		69.000	-69.000	- 100,00
Các khoản phải thu ngắn hạn	559.499	354.892	204.607	57,65
Hàng tồn kho	408.062	430.789	-22.727	- 5,28
Tài sản ngắn hạn khác	0.972	0.834	0,14	16,55
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>1.475.274</b>	<b>1.503.927</b>	<b>-28.653</b>	<b>- 1,91</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.453.733</b>	<b>2.410.440</b>	<b>43.293</b>	<b>1,80</b>

#### 2. Tình hình nợ phải trả:

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	% TĂNG GIẢM	
			GIÁ TRỊ	%
<b>Nợ phải trả</b>	<b>926.407</b>	<b>793.426</b>	<b>132.981</b>	<b>16,76</b>
Nợ ngắn hạn	848.835	713.422	135.413	18,98
Nợ dài hạn	77.571	80.004	-2.433	- 3,04
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.527.326</b>	<b>1.617.013</b>	<b>-89.687</b>	<b>- 5,55</b>
Vốn chủ sở hữu	1.493.347	1.577.381	-84.034	- 5,33
Nguồn kinh phí và quỹ khác	33.978	39.632	-5.654	- 14,27
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>2.453.733</b>	<b>2.411.440</b>	<b>42.293</b>	<b>1,75</b>

### NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Tiếp tục đánh giá, rà soát, phân loại chất lượng lao động, để từ đó có phương án bố trí hợp lý, tinh giản lao động, nâng cao hiệu quả làm việc, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động;

Đánh giá bổ sung, hoàn thiện lại cơ chế trả lương, thưởng cho người lao động gắn với kết quả, hiệu quả công việc, xóa bỏ tính hình thức; Thực hiện giao khoán, đánh giá theo kết quả hoàn thành công việc đến từng cá nhân, vị trí; bổ xung và hoàn thiện tiêu chuẩn cương vị/mô tả công việc để ngày càng chuẩn hóa trong việc tuyển dụng, bố trí nhân sự và thu nhập của người lao động.

Rà soát, hoàn thiện và ban hành các Quy chế quản lý của Công ty: Quy chế quản trị, tiền lương, nhân sự, môi trường... và các quy chế của các đơn vị thành viên theo hướng: Tinh gọn, cụ thể, thực tế và đơn giản hóa trong triển khai đánh giá nhưng vẫn đảm bảo tính chặt chẽ từ các đơn vị đến các phòng ban, từ LASUCO đến các công ty con, từ khâu giao kế hoạch, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, giao mục tiêu nhiệm vụ và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Tổ chức mô hình quản lý theo hướng triển khai và thực hiện theo các Dự án, chuyên đề chuyên môn căn cứ theo định hướng phát triển đến năm 2020; nâng cao tính chuyên nghiệp và trách nhiệm, xóa bỏ các khâu, thủ tục rườm rà không đảm bảo hiệu quả.

### KẾ HOẠCH SXKD NĂM TÀI CHÍNH 2018/2019

Dự báo, niên độ 2018/2019 ngành mía đường Việt Nam đối mặt khó khăn khốc liệt, tồn kho không giảm và dự kiến giá bán chỉ dưới 11.000 đồng/kg trong khi đường Thái Lan tràn ngập và các nhà tiêu dùng công nghiệp giảm mạnh do một số nhà máy nước giải khát đang nâng dần sử dụng đường lỏng, một số Nhà máy bánh kẹo đã phải đóng cửa do không cạnh tranh được với sản phẩm nhập ngoại, thị trường bán lẻ cạnh tranh mạnh. Trước những nguy cơ, thách thức và yêu cầu mới, Công ty đã rà soát đánh giá lại nguồn lực và xác định các chỉ tiêu KH SXKD phù hợp với tình hình thị trường khó khăn hiện nay:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2017/2018	KH 2018/2019	%
1	Doanh thu có thuế	1.000đ	1.365.687.000	1.600.000.000	117
2	Doanh thu thuần	1.000đ	1.301.455.350	1.525.000.000	117
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	34.241.000	45.000.000	132

### NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP

**1. Về công tác quản lý- điều hành:** Chấn chỉnh, đổi mới công tác tổ chức quản lý điều hành theo hướng "sáng tạo - chủ động - trách nhiệm"; Thực thi soát xét các chi phí và thực hành tiết kiệm triệt để.

- Rà soát xét, đánh giá tất cả các chi phí và thực thi "**Tiết kiệm triệt để**" tất cả các khoản chi phí vô ích để hạ giá thành sản phẩm để cạnh tranh trực tiếp với đường nhập lậu đang là mối đe dọa lớn đối với ngành mía đường.

- Xây dựng lại cơ chế, bộ máy mới để đáp ứng với yêu cầu mới đảm bảo hệ thống quản lý điều hành được năng động hơn, chủ động và đặc biệt là nâng cao trách nhiệm cá nhân;

- Thay đổi công tác quản trị - quản lý các Công ty con, đơn vị trực thuộc đảm bảo nguyên tắc quản trị, quản lý, giám sát, điều hành hoạt động có hiệu quả để mỗi lĩnh vực đều sinh ra lợi nhuận, trong đó quy định

rõ ràng chức năng nhiệm vụ của các phòng chuyên môn trong hoạt động kiểm tra kiểm soát, đánh giá. Ứng dụng mạnh mẽ áp dụng công nghệ 4.0 thông qua áp dụng và cải tiến các giải pháp ERP cho quản lý điều hành doanh nghiệp.

- Rà soát xét đánh giá lại lực lượng lao động, bố trí lại lao động giữa các đơn vị đảm bảo; Xây dựng và hình thành Công ty TNHH Du lịch sinh thái, tổ chức tuyển dụng lao động, hướng dẫn đào tạo để đưa công viên sinh thái khai trương vào hoạt động từ mùa Lễ hội 2018.

## 2. Về công tác tổ chức sản xuất mía đường.

**+ Công tác nguyên liệu:** Bằng mọi giải pháp phấn đấu vụ 2018/2019 ổn định sản lượng, chất lượng bình quân từ 10 CCS trở lên

- Tập trung nâng cao sản lượng và chất lượng mía: chỉ đạo thúc đẩy chăm sóc, làm cỏ, bón phân, trừ sâu bệnh, tập trung cao cho chăm sóc mía các diện tích mía trung bình, mía xấu. Chỉ đạo sát sao công tác bón thúc phân cho mía thúc đẩy sinh trưởng, bón phân kết hợp với cày chăm sóc, phấn đấu năng suất bình quân vụ 2018/2019 đạt trên 70 tấn/ha.

- Ổn định diện tích vụ 2019/2020 là 10.000ha, chỉ phát triển mía ở xã có diện tích tập trung, xã vùng gần, chủ yếu là 40 HTX trọng điểm đã ký kết hợp đồng với Công ty.

- Chỉ đạo công tác trồng mía Hè thu 2018 để chuẩn bị nguồn giống tốt cho công tác trồng mới vụ 2019/2020.

### + Sản xuất, chế biến:

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, vận hành theo hướng năng động, tự chủ, sáng tạo cho sản xuất, tiết giảm tối đa các tổn thất sản xuất... xây dựng và thực hiện cơ chế mua bán chỉ tiêu nội bộ gắn trách nhiệm với tiền lương, tiền thưởng của cá nhân và đơn vị. Củng cố chất lượng sản phẩm, tuân thủ cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu đặt hàng từ thị trường.

- Tiếp tục nghiên cứu các đề tài cải tiến kỹ thuật sản xuất mang lại hiệu quả thiết thực cho Nhà máy, tối ưu hóa hiệu suất thu hồi, kiểm soát triệt để sử dụng năng lượng, tiết giảm tối đa suất tiêu hao hơi và điện trong sản xuất và tiêu dùng.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu R&D phát triển sản phẩm mới, các sản phẩm cạnh đường, sau đường và mở rộng chuỗi giá trị ngành đường, phát triển các dòng sản phẩm hữu cơ (organic): Đường phèn, đường phôi, đường bột, đường siro, đường thanh, mật mía... và các sản phẩm cạnh đường như: các sản phẩm rượu Rum từ mía hữu cơ, sản phẩm nước tinh khiết với hàm lượng dinh dưỡng và khoáng chất cao "vì chất lượng cuộc sống, vì sức khỏe cộng đồng".



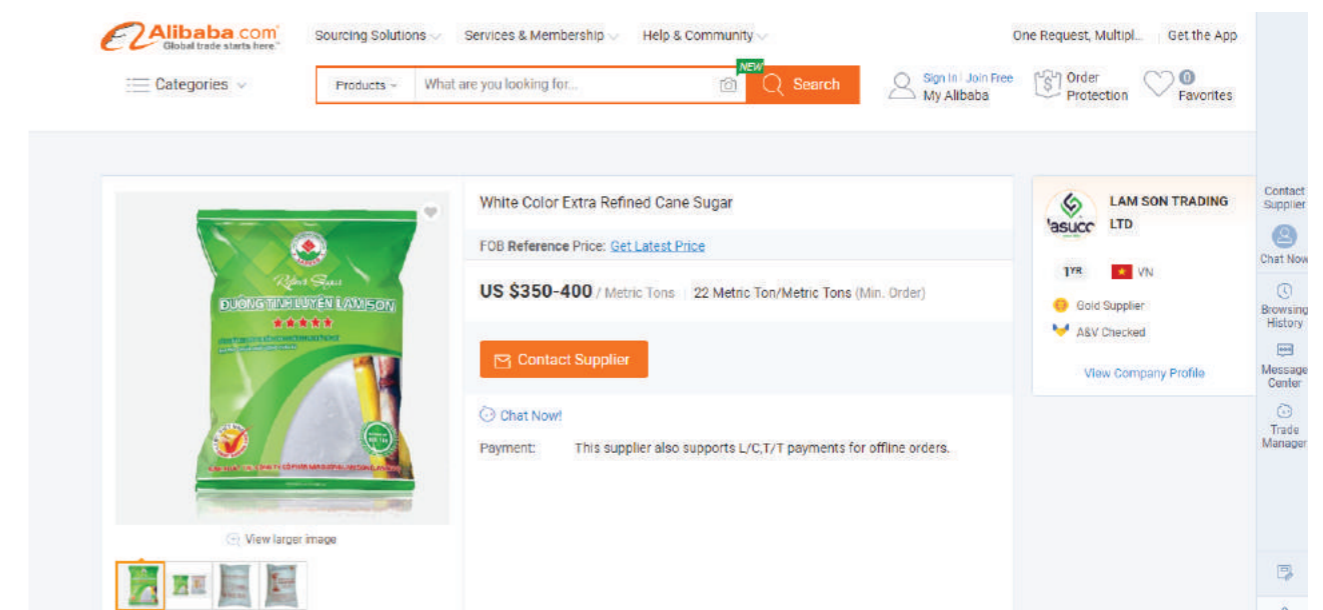
**3. Tập trung cao mọi nguồn lực triển khai các chương trình, dự án:** Phấn đấu đưa Dự án công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam đi vào khai thác hoạt động sớm nhất; Tập trung các nguồn lực để triển khai dự án lúa gạo sớm nhất. Xây dựng quan hệ hợp tác, đối tác chiến lược: Tiếp tục xây dựng quan hệ, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để sản xuất các sản phẩm chuyên sâu về nông nghiệp công nghệ cao (Kachay – Mỹ); hợp tác với Tập đoàn Khai Dương (Đài Loan) để sản xuất điện năng lượng mặt trời gắn với Nhà máy sản xuất, chế biến nấm;

**4. Công tác thương mại - thị trường - xây dựng thương hiệu:** Tập trung thúc đẩy bán hàng đảm bảo doanh thu, tăng cường xây dựng các điểm bán hàng, cửa hàng bán lẻ để đưa hàng đến tay người tiêu dùng; Xúc tiến và mở rộng công tác thương mại xuất nhập khẩu các sản phẩm ngoài đường để kinh doanh thương mại, nâng cao giá trị.

- Tập trung các nguồn lực, hàng hóa tổ chức có hiệu quả tốt nhất Hội chợ mùa thu Lam Kinh 2018 gắn với diễn đàn kết nối giao thương vào cuối tháng 9/2018 tại Trung tâm thương mại xanh Lam Sơn.

- Duy trì ổn định và phát triển mạnh kênh phân phối bán buôn bán lẻ, tìm kiếm khách hàng sản xuất tăng độ phủ cho sản phẩm đường tinh luyện, bù đắp sản lượng tụt giảm từ nhà sản xuất Nước giải khát, sữa, bánh kẹo giảm sản lượng mua. Bám sát chặt chẽ nhu cầu thị trường để có các động thái điều chỉnh ngay sản xuất để cung cấp sản phẩm thị trường cần.

- Thúc đẩy và chú trọng phát triển kênh bán hàng thương mại điện tử, đăng ký gian hàng trên các trang thương mại điện tử để tăng cường hoạt động giới thiệu, quảng bá, kết nối bán hàng hướng tới hoạt động XNK cho các sản phẩm mới.





## **PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM TÀI CHÍNH 2017/2018

### I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2017/2018

Trong năm tài chính, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ mỗi quý một lần và các phiên họp bất thường để triển khai Nghị quyết ĐHCĐ.

Tại các cuộc họp, HĐQT đã thông qua kết quả hoạt động SXKD từng quý, xác định kế hoạch chiến lược cho quý tiếp theo và phê duyệt các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Các Nghị quyết HĐQT được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Danh sách thành viên HĐQT tham gia các buổi họp HĐQT trong năm tài chính 2017/2018 như sau:

TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP
1	Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	5	100%
2	Lê Thị Tiến	Phó CTTT HĐQT	5	100%
3	Lê Trung Thành	Phó CTTT HĐQT	5	100%
4	Lê Văn Tiến	Ủy viên HĐQT	5	100%
5	Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	5	100%

#### Hội đồng quản trị Ban hành 12 Nghị quyết, bao gồm:

- Nghị quyết các phiên họp thường kỳ: 4 nghị quyết
- Nghị quyết về việc góp vốn đầu tư vào công ty con: 01 nghị quyết
- Nghị quyết về việc đầu tư mua sắm tài sản: 02 nghị quyết
- Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội cổ đông và chi trả cổ tức: 02 nghị quyết
- Nghị quyết về việc mua cổ phiếu quỹ: 02 nghị quyết
- Nghị quyết khác: 01 nghị quyết

Và nhiều quyết định khác liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.

Hội đồng quản trị đã tập trung giám sát, hỗ trợ Ban điều hành trong thực hiện các kế hoạch SXKD năm 2017/2018 theo Nghị quyết ĐHCĐ; định hướng mục tiêu kế hoạch 2018/2019 và mục tiêu chiến lược phát triển đến 2020 và tầm nhìn 2025.

### II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Trong năm tài chính 2017/2018, HĐQT đã chỉ đạo và giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai, thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ và Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo đúng định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. **Cụ thể như sau:**

#### + Kết quả kinh doanh

- Doanh thu có thuế 1.365.687 Tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 28.576 Tỷ đồng

#### + Chi trả cổ tức

- Chi trả cổ tức năm 2016/2017 là 10%/mệnh giá bằng tiền mặt

#### + Quản trị Công ty

- Quản lý và vận hành công ty theo những thông lệ tốt nhất nhằm đảm bảo hài hòa quyền lợi của cổ đông và người lao động.
  - Áp dụng các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty
  - Hoạch định kế hoạch vốn và nguồn vốn đảm bảo sử dụng hiệu quả.
- Công bố thông tin
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho các cổ đông và cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật

#### + Đánh giá

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc tại các cuộc họp của HĐQT mỗi quý về kết quả kinh doanh, hoạt động điều hành và Quản lý công ty và các báo cáo đột xuất khác khi có yêu cầu. Hội đồng quản trị đánh giá Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT một cách trung thực và cẩn trọng.

### III. CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM CỦA HĐQT NĂM TÀI CHÍNH 2018/2019

Năm tài chính 2018/2019, tình hình hoạt động SXKD của LASUCO dự kiến còn nhiều khó khăn, HĐQT tập trung vào các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển kinh doanh.
- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp cũng như trách nhiệm quản lý và kiểm soát rủi ro.
- Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp. Đẩy mạnh, phát triển và nâng cao giá trị doanh nghiệp.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản. Tập trung cho công tác nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới.
- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực.

#### Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty, các phiên họp định kỳ của HĐQT năm tài chính 2018/2019 dự kiến gồm:

**1. Phiên họp Quý IV/2018**, dự kiến từ 10-15/01/2019: HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý IV/2018 và 6 tháng đầu năm tài chính 2018/2019, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp Quý III và 6 tháng cuối năm tài chính.

**2. Phiên họp Quý I/2019**, dự kiến từ 10-15/04/2019: HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý I/2019 và 9 tháng đầu năm tài chính 2018/2019, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp Quý IV và một số định hướng cho năm tài chính tiếp theo.

**3. Phiên họp Quý II/2019**, dự kiến từ 10-15/07/2019: HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý II/2019 và năm tài chính 2018/2019; thông qua kế hoạch SXKD năm tài chính 2019/2020 và nhiệm vụ Quý I năm tài chính; thông qua Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2019/2020.

**4. Phiên họp Quý III/2019**, dự kiến từ 10-15/10/2019: HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý I năm tài chính 2019/2020, Xác định nhiệm vụ Quý II năm tài chính, thông qua tài liệu và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức ĐHCĐ thường niên cho năm tài chính 2019/2020.

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM TÀI CHÍNH 2017/2018

Trong năm, BKS đã thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của mình một cách độc lập vì lợi ích của các cổ đông, lợi ích của Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tài chính 2017/2018. Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát đánh giá hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT đã tuân thủ điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. HĐQT đã thực hiện công tác quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và người lao động.

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hằng quý; Thẩm định tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính, xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán.

- Xem xét các báo cáo của Kiểm toán độc lập; Ban kiểm soát đồng thời giám sát các đơn vị trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra; từ đó đề xuất giải pháp khắc phục.

- Ban kiểm soát ghi nhận chưa thấy có dấu hiệu vi phạm trong quản lý tài chính và hạch toán kết quả SXKD của đơn vị làm ảnh hưởng đến lợi ích của các cổ đông.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT. Tại các kỳ họp, Ban kiểm soát đều có báo cáo đánh giá công tác kiểm soát trong quý, đưa ra các kiến nghị đề xuất trong quản trị, điều hành. Đồng thời đưa ra kế hoạch quý tiếp theo.

- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương, định hướng và các dự án đầu tư của Công ty khi được yêu cầu. Tham dự một số buổi làm việc của HĐQT nhằm xây dựng chiến lược hoạt động và kế hoạch kinh doanh trong năm cho LASUCO và các đơn vị thành viên.

- Được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ công tác.

- Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với HĐQT và Ban điều hành trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát. HĐQT và Ban điều hành đã tạo điều kiện cung cấp thông tin, kế hoạch công việc để Ban kiểm soát tổ chức thực hiện giám sát có hiệu quả tuân thủ các quy định của Pháp luật, điều lệ công ty và các quy chế, quy định nội bộ.

- Đối với cổ đông: Đến thời điểm báo cáo ngày 30/06/2018, Ban kiểm soát không nhận bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với hoạt động của Công ty.

### 1. Về công tác giám sát quản lý và điều hành Công ty:

#### + Đối với Hội đồng quản trị:

Năm 2017/2018, HĐQT đã triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông thường niên đề ra:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, họp đột xuất để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ cũng như thông qua nhiều nghị quyết, quyết định quan trọng; chỉ đạo toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, ban hành các chủ trương, giải pháp và đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

- HĐQT chỉ đạo, sâu sát trong việc quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty, các thành viên HĐQT đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công. Trong công tác quản trị doanh nghiệp HĐQT luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động SXKD trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến.

- Ban kiểm soát đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT đảm bảo đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên cho năm tài chính 2017/2018.



### 2. Đối với Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý:

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch được giao khoán với các chỉ tiêu cụ thể đến từng đơn vị, bộ phận, tổ sản xuất. Tăng cường ý thức và trách nhiệm đến từng người lao động. Ban điều hành Công ty đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công tác tài chính: Quản lý chặt chẽ công nợ, cơ cấu tài và giảm các khoản vay ngắn hạn, đảm bảo nguồn tài chính phục vụ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh.

- Về công tác tổ chức và nhân sự: Ban điều hành tiếp tục thực hiện giải pháp sắp xếp cơ cấu lao động ở các khu vực sản xuất nhằm ổn định nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

### 3. Công tác phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông Công ty:

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn nhận được sự ủng hộ và giám sát chặt chẽ của Cổ đông; sự phối hợp cộng tác tích cực của HĐQT và BĐH theo đúng chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều lệ Công ty, pháp luật hiện hành để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Ban kiểm soát tôn trọng quyền và lợi ích của cổ đông, sẵn sàng hợp tác và đồng hành với cổ đông để làm rõ các vấn đề khi xét thấy cần thiết.

- Các Nghị quyết, Quyết định và các chủ trương của HĐQT, BĐH đã được cung cấp kịp thời cho Ban kiểm soát. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của BKS. BĐH luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS tiếp cận thông tin và hoạt động của Công ty.

### Định hướng hoạt động năm tài chính 2018/2019

Năm 2018/2019, Ban kiểm soát tập trung vào một số công việc trọng yếu sau:

1. Tham gia xây dựng chính sách của Công ty và các văn bản lập quy của đơn vị.
2. Kiểm soát tuân thủ pháp luật, chủ trương, chính sách của Công ty nhằm đảm bảo các hoạt động này tuân thủ quy định và kịp thời nhận diện, phát hiện những rủi ro mang tính trọng yếu.
3. Kiểm tra thường xuyên hoạt động tại các đơn vị trực thuộc và các công ty thành viên nhằm đảm bảo quản lý tốt nguồn vốn và tài sản.
4. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động SXKD cho mỗi kỳ kế toán của Công ty.
5. Thu nhận thông tin, trao đổi và xử lý các vấn đề theo yêu cầu của cổ đông.

**CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**1. LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH**

HỌ TÊN	LƯƠNG		THÙ LAO		TỔNG CỘNG
	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN(đ)	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN(đ)	
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>72,5</b>	<b>1.616.216.082</b>	<b>27,5</b>	<b>612.000.000</b>	<b>2.228.216.082</b>
Ông Lê Văn Tam	80,1	723.468.482	19,9	180.000.000	903.468.482
Ông Lê Trung Thành	75,9	378.532.494	24,1	120.000.000	498.532.494
Bà Lê Thị Tiến	75,9	378.532.494	24,1	120.000.000	498.532.494
Lê Văn Tiến	58,6	135.682.613	41,4	96.000.000	231.682.613
Ông Phùng Thanh Hải	-		100,0	96.000.000	96.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>	<b>61,7</b>	<b>387.219.074</b>	<b>38,3</b>	<b>240.000.000</b>	<b>627.219074</b>
Đỗ Thị Thanh Hà	66,9	243.045.865	33,1	120.000.000	363.045.865
Đỗ Văn Mạnh	70,6	144.173.208	29,4	60.000.000	204.173.208
Lê Thị Tĩnh	-		100,0	60.000.000	60.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>70,2</b>	<b>2.003.435.156</b>	<b>29,8</b>	<b>852.000.000</b>	<b>2.855.435.156</b>



**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS NĂM 2017-2018**

STT	KHOẢN MỤC	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2017 đến 30/06/2018
<b>I</b>	<b>Chi phí HĐQT, BKS</b>			
<b>1</b>	<b>Lương và các khoản có tính chất lương</b>	<b>1.664.336.478</b>	<b>2.124.763.308</b>	<b>2.003.435.156</b>
<b>2</b>	<b>Chi phí vật liệu quản lý</b>	<b>82.028.071</b>	<b>26.158.094</b>	<b>18.559.048</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí đồ dùng văn phòng, BHLĐ</b>	<b>14.523.264</b>	<b>2.275.000</b>	<b>27.860.455</b>
<b>4</b>	<b>Khấu hao TSCĐ quản lý</b>	<b>720.820.090</b>	<b>720.820.090</b>	<b>720.820.090</b>
<b>5</b>	<b>Thuế, phí và lệ phí</b>			
<b>6</b>	<b>Chi phí dịch vụ mua ngoài</b>	<b>217.459.709</b>	<b>223.405.681</b>	<b>425.522.146</b>
-	Điện thoại, Internet	60.538.701	20.477.416	49.823.008
-	Báo chí, tem thư			
-	Xăng dầu xe con công tác	106.805.008	128.312.565	344.169.065
-	Chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ	50.116.000	74.615.700	31.530.073
<b>7</b>	<b>Chi phí quản lý bằng tiền khác</b>	<b>1.583.357.060</b>	<b>1.144.108.333</b>	<b>1.157.146.676</b>
-	Chi phí hội nghị, hội thảo	-	70.050.000	9.800.000
-	Chi phí tiếp khách, giao dịch	46.227.900	67.104.562	60.091.030
-	Chi phí công tác	653.129.160	101.453.771	175.855.646
-	Kinh phí đào tạo, nghiên cứu khoa học			
-	Chi phí thù lao HĐQT, BKS	828.000.000	844.000.000	852.000.000
-	Chi phí họp HĐQT	56.000.000	61.500.000	59.400.000
-	Chi phí khác			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.282.524.672</b>	<b>4.241.530.506</b>	<b>4.353.343.571</b>
	<b>Doanh thu có VAT</b>	<b>1.897.547.564.307</b>	<b>2.127.129.240.958</b>	<b>1.365.687.120.828</b>
<b>II</b>	<b>Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ</b>			
-	<b>Thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS (0.4% Doanh thu có VAT)</b>	<b>7.590.190.257</b>	<b>8.508.516.964</b>	<b>5.462.748.483</b>
<b>III</b>	<b>Tiết kiệm chi phí hoạt động của HĐQT, BKS</b>	<b>3.307.665.585</b>	<b>4.266.986.458</b>	<b>1.109.404.912</b>

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG GIẢM
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Lê Văn Tiến	Con trai chủ tịch HĐQT	1.688.962	2.41%	1.788.962	2.55%	Tăng do mua thêm Cổ phiếu
2	Lê Văn Tân	Con trai chủ tịch HĐQT	70.360	0.1%	966.360	1.318%	Tăng do mua thêm Cổ phiếu
3	Lê Thị Phương Thảo	Con gái Phó CTHĐQT	525.000	0.75%	2.525.005	3.607%	Tăng do mua thêm Cổ phiếu
4	Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	8.130	0.011%	3.130	0.001%	Giảm do bán ra thị trường
5	Lê Văn Quang	Phó TGD	37.750	0.053%	84.250	0.12%	Tăng do mua thêm Cổ phiếu
6	Lê Bá Chiêu	Phó TGD	5.000	0.007%	52.240	0.07%	Tăng do mua thêm Cổ phiếu
7	Đỗ Văn Bảy	Chồng Phó CTHĐQT	32.500	0.046%	0	0%	Giảm do bán ra thị trường

### 3. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:

Trong năm không có HĐ hoặc giao dịch mua cổ phiếu nào với cổ đông nội bộ

### 4. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

**LASUCO luôn tuân thủ các quy định, pháp luật hiện hành liên quan đến quản trị Công ty và Công bố thông tin, bao gồm:**

- Luật Doanh nghiệp 2014
- Luật chứng khoán 2006 và Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung năm 2010.
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/07/2017 hướng dẫn về quản trị công ty.
- Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK.

**Và các quy định nội bộ như sau:**

- Điều lệ Công ty
- Quy chế Quản trị Công ty

Năm tài chính 2017/2018, Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty và thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng quy định về tình hình hoạt động SXKD cho cổ đông, cơ quan quản lý và các bên liên quan dựa trên cơ sở minh bạch, chính xác và kịp thời.

**Thành viên HĐQT độc lập:** Công ty đã có chủ trương, kế hoạch và tìm kiếm các ứng viên HĐQT độc lập theo quy định. Tuy nhiên đây là yêu cầu không dễ đáp ứng nên đến thời điểm hiện tại Công ty chưa có thành viên HĐQT độc lập. LASUCO sẽ tập trung cao trong công tác kế hoạch nhân sự Hội đồng quản trị để bổ sung thành viên HĐQT độc lập trong thời gian tới.

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong những năm gần đây, định hướng phát triển bền vững ngày càng trở nên quan trọng trong chiến lược phát triển các hoạt động SXKD của Công ty. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp gắn liền với nông nghiệp, nông thôn LASUCO ưu tiên việc tập trung cho các hoạt động kinh doanh gắn với các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường. Đây là các yếu tố cần thiết đối với tính bền vững của Công ty trong dài hạn. LASUCO tuân thủ nghiêm các yêu cầu công bố được liệt kê trong "Hướng dẫn Báo cáo phát triển bền vững".

### 1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu đưa vào sản xuất

Nguyên liệu chính đưa vào sản xuất của Công ty là mía cây. Trong năm tài chính 2017/2018 Công ty đưa vào ép 753.011 tấn mía cây.

Bã mía thu hồi trong quá trình sản xuất là 201.742 tấn đã được sử dụng 100% dùng làm nguyên liệu đốt lò hơi, cấp hơi và phát điện phục vụ sản xuất và bán lên lưới điện quốc gia.

Tro, bùn thu hồi sau đốt lò là 21.741 tấn được tái sử dụng 100% để sản xuất phân bón cung cấp cho vùng nguyên liệu mía đường Lam Sơn và phục vụ các cây trồng khác.

Bên cạnh đó, nước thải đã xử lý đạt tiêu chuẩn đã tái sử dụng 70% lưu lượng xả thải bơm quay lại phục vụ sản xuất.

### 2. Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng sử dụng cho các hoạt động sản xuất tại LASUCO trực tiếp từ nguồn điện tự phát và nguồn điện lưới quốc gia.

Bã mía trong quá trình sản xuất đường, lượng bã mía thải ra hằng ngày là rất lớn. Nếu lượng chất thải này không được xử lý, thải ra môi trường sẽ là nguồn gây ô nhiễm. Trong quá trình phân hủy, bã mía tạo thành các khí CH<sub>4</sub>, CO<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub> và hơi nước. Đây là các khí có khả năng gây hiệu ứng nhà kính, làm tăng nhiệt độ của trái đất. Về bản chất hóa học, bã mía có thành phần chủ yếu là xenlulô, có tỷ lệ C – H – O cao; bên cạnh đó, nhiệt trị của bã mía tương đối cao. Sử dụng bã mía làm nhiên liệu cho lò hơi, phát nhiệt điện đã giải quyết được nhiều vấn đề:

- **Về mặt môi trường:** việc không thải bã mía ra môi trường hạn chế vấn đề ô nhiễm chất thải rắn, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước. Công ty không phải sử dụng nhiên liệu cho nhiệt điện, cấp năng lượng cho chế biến đường, ít gây ô nhiễm môi trường không khí.

- **Về tài nguyên:** Tận dụng, tái tạo chất thải làm nguyên liệu cho ngành sản xuất khác là một nguyên lý cơ bản của sản xuất sạch hơn, góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

- **Về kinh tế:** Giảm được chi phí xử lý chất thải, giảm thiểu chi phí điện năng cho sản xuất, thu được lợi nhuận từ việc bán điện. Chủ động được nguồn điện năng, hạn chế tác động do mất điện không ảnh hưởng đến sản xuất của Công ty.

- **Về mặt xã hội:** Người dân không phàn nàn về tình trạng ô nhiễm môi trường do tác động của chất thải rắn trong sản xuất đường.

Vì vậy Công ty đã sử dụng bã mía sau sản xuất đường làm nhiên liệu sạch phát điện, nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất của nhà máy và phần còn lại cung cấp cho điện lưới quốc gia.

Công ty đã được cấp chứng nhận về giảm phát khí thải – CDM. Năm 2017/2018 doanh thu bán điện và CDM đạt 41,2 tỷ đồng.

### 3. Tiêu thụ nước

#### 3.1. Đối với môi trường khai thác nước mặt

Thực hiện giấy phép khai thác nước mặt số 149/GP-UBND ngày 29/04/2014 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thanh Hóa, LASUCO đã tổ chức khai thác đúng mục đích, nguồn nước, vị trí, lượng nước, phương thức khai thác và sử dụng. Đảm bảo nguồn nước khai thác được bảo vệ, sử dụng trong giới hạn cho phép, đúng mục đích, hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm.

**Nguồn nước khai thác:** Sông Nông Giang thuộc hệ thống thủy nông Sông Chu. Để tiến hành khai thác, Công ty Thủy nông Sông Chu (đơn vị quản lý) đã lắp đặt hệ thống đo lưu lượng và tính toán chốt công tơ theo tháng, quý đối với Công ty.

**Nguồn nước được sử dụng** để sản xuất đường, tưới mía giống và sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong Công ty.

#### Lượng nước sử dụng:

Tổng lượng nước sử dụng: 611.174m<sup>3</sup>

Tổng lượng nước tái chế và sử dụng: 427.821m<sup>3</sup> (tỷ lệ 70%)

#### Chất lượng nguồn nước

Do hệ thống sông Nông Giang chủ yếu làm nhiệm vụ tưới nên chế độ thủy văn (mức nước, lưu lượng nước) phụ thuộc vào sự điều tiết của trạm thủy nông Bái Thượng cho nhu cầu sử dụng nước ở hạ lưu. Nguồn nước sau khi đưa về Công ty được xử lý qua hệ thống xử lý mới đưa vào dây chuyền sản xuất và sinh hoạt.

**3.2. Đối với môi trường nước thải:** Thực hiện giấy phép xả thải vào nguồn nước số 156/GP-UBND ngày 20/04/2016. Thời hạn của giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký do UBND Tỉnh Thanh Hóa cấp phép.

Với 3 cửa xả thải tại Khu 6 Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình sản xuất, LASUCO đã không ngừng cải tiến hệ thống xử lý nước, tái sử dụng với tỷ lệ cao để hạn chế nước thải ra môi trường:

**Giải pháp:** Tái sử dụng nước thải sau xử lý

#### \* Thực trạng của Công ty:

Nguồn nước cấp dùng trong công nghệ chế luyện đường, nước thải ra được phân thành 2 nguồn chính.

- Nguồn thải sau khi thu gom, lắng thải ra mương thoát nước phía Nam- nguồn nước này được thải ra môi trường trong vụ ép từ giữa tháng 11 năm này đến giữa tháng 4 năm sau, với lưu lượng 816m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nguồn nước có chỉ số ô nhiễm giới hạn không vượt quá giá trị quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, Kq = 0,9 và Kf = 1,1) bao gồm các nguồn nước: nước ngưng, nước tạo chân không, nước làm mát máy....

- Nguồn nước lưu lại để xử lý trong hệ thống xử lý của nhà máy là 900m<sup>3</sup>/ngày đêm, có chỉ số ô nhiễm cao, giá trị COD >75mg/l, được lưu lại để xử lý trong hệ thống xử lý hiện có do Công ty AQUA CHEMICAL MFG LTD Ấn Độ thiết kế về xây dựng, sau đó được xử lý tiếp trong 5 hồ sinh học (với tổng diện tích 46.830m<sup>2</sup>, tương đương 243.459,5m<sup>3</sup>).

#### \* Mục tiêu của phương án:

- + Nhằm tiết kiệm nước sử dụng trong chế luyện đường,
- + Giảm chi phí tiền nước trong việc khai thác nước mặt tại kênh Nông Giang.
- + Giảm thiểu được lượng nước thải ra môi trường.
- + Làm chậm quá trình suy kiệt trữ lượng và chất lượng nguồn tài nguyên nước.
- + Giảm chi phí phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

+ Góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá này, góp phần bảo vệ sự sống của con người và mọi sinh vật trên trái đất.

#### \* Kết quả đạt được:

- Nước thải trong các hồ sinh học theo tự nhiên sẽ tự phân hủy, theo định kỳ Công ty báo cáo đến cơ quan chức năng là Sở tài nguyên môi trường kiểm tra, quan trắc mẫu nước trong hồ thì cơ bản đều đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT và được cấp quyết định xả thải các hồ sinh học được phép bơm ra môi trường.

- Thời gian trong vụ sản xuất bơm với lưu lượng nước vào trong Công ty là 2.000 – 2.500m<sup>3</sup>/ ngày.

- Ngoài vụ sản xuất bơm vào phục vụ công tác vệ sinh nhà xưởng, thiết bị với lưu lượng 80-100m<sup>3</sup>/ngày.

+ Với thời gian sản xuất 150 ngày/năm sẽ tiết kiệm được 300.000-375.000m<sup>3</sup>.

+ Thời gian ngoài vụ khoảng 200 ngày sẽ tiết kiệm được 16.000-20.000m<sup>3</sup> nước.

**Tỷ lệ nước tái sử dụng là:** 80% lượng nước thải được tái sử dụng quay lại phục vụ cho sản xuất. Tổng lượng nước tiết kiệm được là 316.000 - 395.000m<sup>3</sup>

Với giá nước hiện nay, hàng năm Công ty sẽ tiết kiệm được trên 3 tỷ đồng chi phí sử dụng nước. Bên cạnh đó giảm chi phí vận hành khác. Với hiệu quả và lợi ích của phương án mang lại trong tương lai Công ty sẽ tiếp tục cải tiến quá trình thu hồi và xử lý nước thải từ sản xuất, tái sử dụng nhằm hạn chế tối đa việc sử dụng nguồn nước tự nhiên và tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

#### 4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Thực hiện theo các quy định, nghị định mà nhà nước ban hành.

- Đầy đủ giấy phép như: Giấy phép khai thác nước mặt, Giấy phép xả thải vào nguồn nước, sổ đăng ký chủ nguồn thải, hợp đồng xử lý chất thải nguy hại.

- Báo cáo định kỳ gửi cơ quan chức năng.

- Thuê cơ quan chức năng giám sát phân tích các chỉ tiêu môi trường không khí, môi trường nước hàng tháng có kết quả gửi cơ quan chức năng.

- Nộp lệ phí bảo vệ môi trường đầy đủ cho cơ quan chức năng.

- Xây dựng khuôn viên, trồng cây xanh bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

**Số lần bị phạt về môi trường và tổng tiền phạt môi trường:** Không vi phạm.

#### 5. Các chính sách liên quan đến người lao động

Với sứ mệnh là đơn vị "**Phát triển bền vững vì cộng đồng**" Công ty luôn quan tâm chú trọng và đảm bảo tốt nhất các điều kiện lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như lực lượng lao động vùng mía như: Phối hợp bệnh viện ĐA Khoa Tỉnh Thanh Hóa thực hiện tốt chế độ khám sức khỏe định kỳ vào tháng 11 hàng năm, nhằm phát hiện và phòng ngừa hoặc chữa trị kịp thời đảm bảo sức khỏe cho người lao động, đồng thời bố trí công việc phù hợp nhất với điều kiện sức khỏe cá nhân. Công tác đo kiểm môi trường làm việc được thực hiện đều đặn vào tháng 1 hàng năm, nhằm có những giải pháp kịp thời cải thiện môi trường lao động, xây dựng các chế độ chính sách phù hợp trong lao động, khuyến khích kịp thời các đối tượng lao động; Chế độ bảo hộ lao động và phương tiện phòng hộ cá nhân cũng như công tác kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt được thực hiện nghiêm túc, chế độ phúc lợi, chế độ BHXH luôn luôn bảo đảm đúng đủ và kịp thời.

#### Về công tác đào tạo phát triển:

+ Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đào tạo bắt buộc như AN toàn lao động; an toàn thực phẩm, an toàn hóa chất, an ninh quốc phòng, huấn luyện pháo cao xạ, phòng chống cháy nổ... trung bình số giờ đào tạo bình quân/người là 70h/năm (chưa tính đào tạo kèm cặp tại chỗ).



+ Đào tạo nâng cao trình độ: luôn được công ty quan tâm chú trọng bằng nhiều hình thức: Đào tạo nội bộ: người đi trước kèm cặp người đi sau, người khá hơn đào tạo người yếu; trước khi bước vào vụ sản xuất tất cả những thợ vận hành sản xuất sẽ được các kỹ sư, cán bộ quản lý tổ chức đào tạo nâng cao trình độ bằng những tình huống và giải pháp cụ thể nhằm thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật kế hoạch được giao; những nhân viên nghiệp vụ; kỹ thuật được cử tham gia các khóa tập huấn ngắn ngày nhằm bổ sung thêm những quy trình quy phạm mới theo yêu cầu pháp luật, tìm hiểu giao lưu với các đối tác, bạn hàng cùng chuyên môn để nâng cao trình độ năng lực cá nhân.

**Đào tạo bên ngoài:** các cán bộ có tiềm năng phát triển được cử tham gia các lớp bồi dưỡng các kỹ năng mềm, nhằm trang bị các kỹ năng để người lao động phát triển sâu rộng về mặt chuyên môn cũng như kỹ năng quản lý và tham quan học tập ở nước ngoài.

#### **Đổi mới về chính sách trong quản lý quản trị:**

Nhằm nâng cao trách nhiệm xã hội, phát triển bền vững vì cộng đồng, Công ty đã không ngừng đổi mới về chính sách và cơ chế quản lý quản trị:

+ Thực hiện rà soát xét, đánh giá lại lao động, kiên quyết tinh giảm biên chế đối với những vị trí và nhân sự không đáp ứng được yêu cầu công việc, nâng cao năng suất lao động nhà máy chế biến đường tăng 25% so với cùng kỳ.

+ Kiên quyết đổi mới trong chính sách lương thưởng, hạn chế và khắc phục tình trạng cào bằng, quan tâm và chú trọng đến những tháng cao điểm Công ty đã thực hiện chế độ chi trả phụ cấp trách nhiệm trong vụ ép, khuyến khích người lao động phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

+ Thực hiện chương trình thăm quan nghỉ dưỡng sau khi kết thúc vụ ép, tạo điều kiện người lao động nghỉ ngơi giao lưu, tái tạo sức lao động.

+ Thực hiện đúng đủ các quyền lợi về lương thưởng: ngoài 12 tháng lương thông thường Công ty còn có thưởng tháng 13, thưởng nhân các dịp lễ lớn của đất nước và Công ty.

#### **6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng - địa phương**

Trong năm qua, Công ty ưu tiên phát triển cộng đồng: đầu tư cải tạo, nâng cấp các tuyến đường vùng mía. Quan tâm, hỗ trợ các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt nam anh hùng.

#### **CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Năm tài chính 2017/2018, Tổng số lao động toàn Công ty có 763 người; trong đó lao động đại học trở lên là 203 người chiếm 26,6%; Lao động cao đẳng trung cấp 518 người chiếm 68%; lao động phổ thông chiếm 5,4%. Nếu tính theo độ tuổi: Lao động trong độ tuổi vàng chiếm 94%, lao động trên 50 tuổi chiếm 6%. Năng suất lao động tăng 16% so với cùng kỳ năm trước; Thu nhập bình quân đầu người: 7.800.000 đ/người/năm; tăng 8.5% so với thu nhập bình quân cùng kỳ.

**Về việc tuân thủ trách nhiệm xã hội:** Với sứ mệnh là đơn vị “Phát triển bền vững vì cộng đồng” Công ty luôn quan tâm chú trọng và đảm bảo tốt nhất các điều kiện lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như lực lượng lao động vùng mía như: Phối hợp bệnh viện ĐA Khoa Tỉnh Thanh Hóa thực hiện tốt chế độ khám sức khỏe định kỳ vào tháng 11 hàng năm, nhằm phát hiện và phòng ngừa hoặc chữa trị kịp thời đảm bảo sức khỏe cho người lao động, đồng thời bố trí công việc phù hợp nhất với điều kiện sức khỏe cá nhân. Công tác đo kiểm môi trường làm việc được thực hiện đều đặn vào tháng 1 hàng năm, nhằm có những giải pháp kịp thời cải thiện môi trường lao động, xây dựng các chế độ chính sách phù hợp trong lao động, khuyến khích kịp thời các đối tượng lao động; Chế độ bảo hộ lao động và phương tiện phòng hộ cá nhân cũng như công tác kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt được thực hiện nghiêm túc, chế độ phúc lợi, chế độ BHXH luôn luôn bảo đảm đúng đủ và kịp thời.



hợp tác phát triển bền vững

vì cộng đồng

## PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN HỢP NHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN RIÊNG CÔNG TY MẸ

## **A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG CỦA CÔNG TY ME**

### **THÔNG TIN CHUNG**

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cùn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Tiến	Thành viên
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Trưởng Ban
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2018

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo Giấy Ủy quyền số 289 UQ/ĐLS – TCKT ngày 1 tháng 7 năm 2016.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 28 tháng 9 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:   
  
  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

Số tham chiếu: 61060845/19539448

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 9 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.


### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 28 tháng 9 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1



Trần Thu Hà  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2499-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>978.458.591.025</b>	<b>906.512.804.534</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>9.925.207.327</b>	<b>50.996.174.107</b>
111	1. Tiền		9.925.207.327	4.868.174.107
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	46.128.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>69.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	69.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>559.499.234.549</b>	<b>354.892.383.923</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	120.237.929.379	90.625.018.821
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	389.457.447.324	204.443.474.753
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	30	-	28.109.348.242
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	63.425.320.028	45.336.004.289
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1,5, 2,6	(13.621.462.182)	(13.621.462.182)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>408.062.051.335</b>	<b>430.789.870.969</b>
141	1. Hàng tồn kho		408.625.623.839	431.353.443.473
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(563.572.504)	(563.572.504)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>972.097.814</b>	<b>834.375.535</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		972.097.814	834.375.535
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.475.274.704.219</b>	<b>1.503.927.465.317</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>13.688.871.389</b>	<b>17.457.045.363</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	13.688.871.389	17.457.045.363
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.088.072.395.165</b>	<b>1.165.281.886.146</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.056.806.393.345	1.133.699.392.018
222	Nguyên giá		2.420.531.213.185	2.522.183.917.190
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.363.724.819.840)	(1.388.484.525.172)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	31.266.001.820	31.582.494.128
228	Nguyên giá		41.382.857.235	41.382.857.235
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.116.855.415)	(9.800.363.107)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>73.401.549.867</b>	<b>27.591.395.208</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	73.401.549.867	27.591.395.208
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>266.578.587.746</b>	<b>258.789.703.362</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		243.368.989.928	233.506.593.886
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		36.500.000.000	36.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.251.145.800
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(28.541.547.982)	(26.468.036.324)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>33.533.300.052</b>	<b>34.807.435.238</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	33.533.300.052	34.807.435.238
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.453.733.295.244</b>	<b>2.410.440.269.851</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>926.407.158.513</b>	<b>793.426.597.033</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>848.835.562.637</b>	<b>713.422.462.082</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	51.896.363.195	54.582.630.709
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	2.083.163.968	7.146.814.600
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	23.197.795.516	9.785.605.291
314	4. Phải trả người lao động		13.700.898.107	3.993.656.147
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	46.074.424.253	2.530.040.935
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	10.347.434.640	9.812.885.590
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	669.965.972.493	598.325.827.438
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	31.569.510.465	27.245.001.372
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>77.571.595.876</b>	<b>80.004.134.951</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	9.808.905.093	9.808.905.093
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	7.749.991.667	2.000.000.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19	60.012.699.116	68.195.229.858
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.527.326.136.731</b>	<b>1.617.013.672.818</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>1.493.347.379.312</b>	<b>1.577.381.593.742</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.176.411.784	180.176.411.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(32.871.691.000)	-
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		572.501.336.375	562.164.076.532
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		73.541.322.153	135.041.105.426
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		44.965.057.816	31.668.506.997
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		28.576.264.337	103.372.598.429
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>33.978.757.419</b>	<b>39.632.079.076</b>
431	1. Nguồn kinh phí	21.1	5.957.826.653	2.219.567.653
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	21.2	28.020.930.766	37.412.511.423
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.453.733.295.244</b>	<b>2.410.440.269.851</b>

*Đinh Dũng*

*Lê Thị Huệ*



Người lập  
Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.301.455.350.759	2.025.652.396.466
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	1.858.056.565
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	23.1	1.301.455.350.759	2.023.794.339.901
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	1.164.705.326.939	1.785.682.875.809
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		136.750.023.820	238.111.464.092
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	8.563.368.799	10.168.511.887
22	7. Chi phí tài chính	25	43.371.001.804	28.963.772.689
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		40.808.879.282	35.472.504.140
25	8. Chi phí bán hàng	26	31.422.446.274	26.585.260.925
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38.906.684.819	65.266.107.914
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		31.613.259.722	127.464.834.451
31	11. Thu nhập khác	27	8.737.279.954	1.781.007.699
32	12. Chi phí khác	27	6.109.248.454	6.040.530.014
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]		2.628.031.500	(4.259.522.315)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		34.241.291.222	123.205.312.136
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	5.665.026.885	19.832.713.707
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		28.576.264.337	103.372.598.429

Người lập  
Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>34.241.291.222</b>	<b>123.205.312.136</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		124.231.282.185	140.118.822.051
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		2.073.511.658	(158.858.218)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(194.898.370)	181.967.595
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(15.343.243.380)	(11.394.886.648)
06	Chi phí lãi vay	25	40.808.879.282	35.472.504.140
07	Các khoản điều chỉnh khác		-	14.000.000.000
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>185.816.822.597</b>	<b>301.424.861.056</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(132.301.929.656)	(3.949.625.047)
10	Giảm hàng tồn kho		22.727.819.634	101.888.350.088
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		14.209.444.991	(102.326.822.961)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		1.136.412.907	(24.823.804.016)
14	Tiền lãi vay đã trả		(41.223.283.764)	(36.422.295.686)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29	(13.856.177.762)	(15.417.970.744)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.655.294.000	9.585.160.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(21.686.860.374)	(18.287.253.341)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>30.477.542.573</b>	<b>211.670.599.349</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(76.074.040.837)	(43.573.628.815)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		30.241.850.000	2.136.558.150
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(108.455.344.813)	(203.230.647.997)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		99.000.000.000	141.840.483.001
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.084.883.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	13.890.500.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.704.453.575	1.296.605.932
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>(46.667.965.075)</b>	<b>(87.640.129.729)</b>

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(32.871.691.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.615.166.503.405	1.292.080.455.895
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.537.776.366.683)	(1.316.757.446.245)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(69.398.990.000)	(70.000.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(24.880.544.278)</b>	<b>(94.676.990.350)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(41.070.966.780)</b>	<b>29.353.479.270</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>50.996.174.107</b>	<b>21.642.694.837</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>9.925.207.327</b>	<b>50.996.174.107</b>



Người lập  
Đỗ Đình Dũng



Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

## **B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

#### **THÔNG TIN CHUNG**

##### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

##### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Tiến	Thành viên
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên

##### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Trưởng Ban
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2018

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo Giấy Ủy quyền số 289 UQ/ĐLS – TCKT ngày 1 tháng 7 năm 2016.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

Số tham chiếu: 61060845/19539448 - HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”) được lập ngày 28 tháng 9 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**





---

**Bùi Anh Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1



---

**Trần Thu Hà**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2499-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.400.587.746.423</b>	<b>1.093.332.804.390</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>15.412.171.681</b>	<b>81.172.629.111</b>
111	1. Tiền		15.412.171.681	15.225.396.667
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	65.947.232.444
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>18.049.659.000</b>	<b>77.169.623.717</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	18.049.659.000	77.169.623.717
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>534.789.927.064</b>	<b>378.305.408.552</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	149.454.935.529	115.829.678.321
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	270.930.772.151	208.074.329.224
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	84.149.848.559	40.734.329.244
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	53.819.370.952	36.834.678.327
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(23.565.000.127)	(23.167.606.564)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>820.734.852.846</b>	<b>551.943.613.290</b>
141	1. Hàng tồn kho		829.536.535.000	555.271.566.604
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.801.682.154)	(3.327.953.314)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.601.135.832</b>	<b>4.741.529.720</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.955.892.887	4.486.394.044
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.623.263.117	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		21.979.828	255.135.676

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

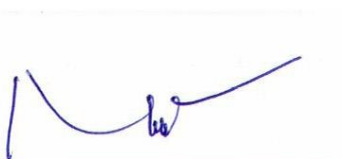
Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.463.841.996.642</b>	<b>1.514.838.040.144</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.121.577.692</b>	<b>2.936.979.236</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	1.815.401.544
216	2. Phải thu dài hạn khác		1.144.077.692	1.144.077.692
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(22.500.000)	(22.500.000)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.275.911.648.618</b>	<b>1.368.800.443.655</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.239.261.450.322	1.331.654.602.080
222	Nguyên giá		2.969.290.693.195	3.065.916.968.131
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.730.029.242.873)	(1.734.262.366.051)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	36.650.198.296	37.145.841.575
228	Nguyên giá		47.903.559.576	47.903.559.576
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.253.361.280)	(10.757.718.001)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>90.918.826.657</b>	<b>46.580.118.559</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	90.918.826.657	46.580.118.559
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>30.773.468.207</b>	<b>30.639.388.207</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		15.322.322.407	15.388.242.407
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.251.145.800
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		200.000.000	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>65.116.475.468</b>	<b>65.881.110.487</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	60.586.389.433	61.252.977.083
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	4.530.086.035	4.628.133.404
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.864.429.743.065</b>	<b>2.608.170.844.534</b>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.300.953.766.671</b>	<b>923.869.830.318</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.221.720.526.387</b>	<b>840.354.604.902</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	263.932.409.395	64.684.317.939
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	26.666.065.823	6.820.644.351
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	24.863.004.709	15.975.932.502
314	4. Phải trả người lao động		21.684.853.217	8.479.010.346
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	50.244.963.734	9.044.992.768
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	15.335.544.949	12.921.260.514
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	781.768.508.425	692.440.163.972
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	37.225.176.135	29.988.282.510
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>79.233.240.284</b>	<b>83.515.225.416</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		295.317.298	283.077.298
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	11.049.169.926	10.190.855.983
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	7.749.991.667	4.720.000.000
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	60.138.761.393	68.321.292.135
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.563.475.976.394</b>	<b>1.684.301.014.216</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>1.529.910.709.473</b>	<b>1.644.382.425.638</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.176.411.784	180.176.411.784
423	3. Cổ phiếu quỹ		(32.871.691.000)	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		590.115.782.416	578.116.732.076
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		60.219.882	127.719.882
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		66.761.322.969	148.580.351.423
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		54.535.769.048	22.652.126.887
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		12.225.553.921	125.928.224.536
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		25.668.663.422	37.381.210.473
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>33.565.266.921</b>	<b>39.918.588.578</b>
431	1. Nguồn kinh phí	23.1	5.544.336.155	2.506.077.155
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	23.2	28.020.930.766	37.412.511.423
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.864.429.743.065</b>	<b>2.608.170.844.534</b>

  
Người lập  
Nguyễn Thị Nhung

  
Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ

  
  
Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018


Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	1.343.506.924.894	2.375.848.051.922
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	9.200.000	1.858.056.565
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	25.1	1.343.497.724.894	2.373.989.995.357
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	1.181.540.845.292	2.044.165.813.844
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		161.956.879.602	329.824.181.513
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	6.687.676.515	16.811.547.176
22	7. Chi phí tài chính	27	47.250.202.716	42.984.969.016
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		46.758.161.296	42.620.987.199
24	8. Phần lỗ từ công ty liên kết	13.1	(65.920.000)	(326.958.529)
25	9. Chi phí bán hàng	28	44.427.433.244	39.127.462.614
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	67.732.194.029	96.963.114.694
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		9.168.806.128	167.233.223.836
31	12. Thu nhập khác	29	9.141.787.087	1.189.692.232
32	13. Chi phí khác	29	7.151.981.496	6.621.596.824
40	14. Lợi nhuận/(Lỗ) khác [40 = 31 - 32]	29	1.989.805.591	(5.431.904.592)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		11.158.611.719	161.801.319.244
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	6.970.774.840	23.116.680.396
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	98.047.369	985.155.623
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		4.089.789.510	137.699.483.225
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	22.1	12.225.553.921	125.928.224.536
62	20. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22.1	(8.135.764.411)	11.771.258.689
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	178	1.618
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	178	1.618

  
\_\_\_\_\_  
Người lập  
Nguyễn Thị Nhung

  
\_\_\_\_\_  
Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ

  
\_\_\_\_\_  
Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>11.158.611.719</b>	<b>161.801.319.244</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		146.911.129.830	160.670.634.190
03	Các khoản dự phòng		5.871.122.403	6.811.413.363
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(194.898.370)	43.496.444
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.139.633.926)	(16.152.050.168)
06	Chi phí lãi vay	27	46.758.161.296	42.620.987.199
07	Các khoản điều chỉnh khác		-	14.000.000.000
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>197.364.492.952</b>	<b>369.795.800.272</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(157.346.764.763)	(49.967.378.154)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(274.264.968.396)	158.427.875.369
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		237.866.109.900	(133.077.115.151)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		2.197.088.807	(13.812.711.421)
14	Tiền lãi vay đã trả		(47.726.953.065)	(44.603.197.808)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(15.452.700.896)	(16.077.329.171)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.655.294.000	9.585.160.002
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(22.409.930.171)	(18.060.043.842)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(64.118.331.632)</b>	<b>262.211.060.096</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(80.848.718.442)	(55.032.891.524)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		30.504.200.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(100.755.952.695)	(97.075.382.359)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		152.006.426.045	34.899.524.968
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	13.890.500.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia		7.652.984.174	5.411.709.350
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>8.558.939.082</b>	<b>(97.906.539.565)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
32	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(32.871.691.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.825.550.205.627	1.518.335.624.289
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.733.191.869.507)	(1.575.839.231.796)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(69.687.710.000)	(70.000.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(10.201.064.880)</b>	<b>(127.503.607.507)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(65.760.457.430)</b>	<b>36.800.913.024</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>81.172.629.111</b>	<b>44.371.716.087</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>15.412.171.681</b>	<b>81.172.629.111</b>



Người lập  
Nguyễn Thị Nhung



Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là: 2.087 (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 1.996).

***Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty và các công ty con***

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp, trong đó chủ yếu là các sản phẩm từ đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 83,84% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường diễn ra trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 3. Theo đó, các chi phí sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 8 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	90%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (i)	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (i)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	56,61%	56,61%	Huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh đường
6	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
7	Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
8	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, các công ty này đang trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 của năm tiếp theo.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.3 Các khoản phải thu** (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty và các công ty con trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty và các công ty con trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty và các công ty con áp dụng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 *Khấu hao và hao mòn* (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao cho một số tài sản là nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2 và Xí nghiệp cơ giới từ 7 đến 25 năm tăng lên thành từ 9 đến 38 năm. Ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 nếu Công ty áp dụng tỷ lệ khấu hao cho các tài sản này như trong các năm tài chính trước sẽ làm tăng giá vốn hàng bán trong năm và tăng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 với số tiền ước tính lần lượt là 9,7 tỷ VND và 7,2 tỷ VND.

#### 3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 5 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

#### 3.10 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.13 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**3.14 Phân chia lợi nhuận** (tiếp theo)

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.15 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

**3.16 Nguồn kinh phí sự nghiệp**

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.20 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

**3.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	870.984.120	663.275.387
Tiền gửi ngân hàng	14.541.187.561	14.562.121.280
Các khoản tương đương tiền	-	65.947.232.444
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.412.171.681</u></b>	<b><u>81.172.629.111</u></b>

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng và hưởng lãi suất từ 5,5 - 6,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	146.533.332.529	112.908.075.321
<i>Công ty TNHH Nước giải khát Suntory</i>		
<i>Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh</i>	38.135.895.000	66.714.186.000
<i>Công ty Cổ phần TM &amp; DV Song Phương</i>	34.703.190.000	-
<i>Chi nhánh Công ty TNHH NGK Suntory</i>		
<i>Pepsico Việt Nam tại Quảng Nam</i>	28.444.563.000	-
<i>Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lam Kinh</i>	-	13.900.000.000
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	45.249.684.529	32.293.889.321
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	2.921.603.000	2.921.603.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>149.454.935.529</b>	<b>115.829.678.321</b>
Dự phòng	(7.628.481.109)	(7.637.643.159)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	270.048.772.151	179.192.329.224
<i>Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp</i>		
<i>tác xã và hộ nông dân</i>	185.544.852.410	147.876.112.819
<i>Công ty TNHH Kim Hà Việt</i>	46.250.000.000	-
<i>Công ty TNHH An Hà</i>	25.450.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	12.803.919.741	31.316.216.405
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	882.000.000	28.882.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>270.930.772.151</b>	<b>208.074.329.224</b>
Dự phòng	(1.321.880.000)	(1.321.880.000)

**6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	23.167.606.564	16.919.765.705
Dự phòng trích lập trong năm	406.555.613	6.590.618.717
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(9.162.050)	(342.777.858)
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.565.000.127</b>	<b>23.167.606.564</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 6.1)	(7.628.481.109)	(7.637.643.159)
<i>Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 6.2)	(1.321.880.000)	(1.321.880.000)
<i>Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn</i> <i>khác (Thuyết minh số 8)</i>	(14.614.639.018)	(14.208.083.405)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Cho vay các hộ trồng mía	84.149.848.559	-	40.734.329.244	-
<b>Dài hạn</b>				
Cho vay các hộ trồng mía	-	-	1.815.401.544	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>84.149.848.559</b>	<b>-</b>	<b>42.549.730.788</b>	<b>-</b>

Phải thu về cho vay ngắn hạn bao gồm các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo và có kỳ hạn dưới 1 năm của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống, một công ty con của Công ty, cho các hộ nông dân với mức lãi suất là 6,5%/năm hoặc không thu lãi để phục vụ việc trồng mía nguyên liệu. Các khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống và các hộ nông dân trồng mía.

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các khoản cho vay không lãi suất quá hạn	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Phải thu các hộ nông dân tiền đầu tư vụ mía (**)	5.379.860.078	(4.868.634.282)	5.379.860.078	(4.462.078.669)
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	18.285.268.767	(121.790.939)	2.472.965.970	(121.790.939)
Phải thu về tiền lãi dự thu	-	-	1.559.638.332	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.022.988.925	-	8.180.952.000	-
Phải thu Hiệp hội mía đường Lam Sơn	3.573.880.000	-	-	-
Phải thu khác	5.053.312.876	(1.120.153.491)	4.737.201.641	(1.120.153.491)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.819.370.952</b>	<b>(14.614.639.018)</b>	<b>36.834.678.327</b>	<b>(14.208.083.405)</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	<i>25.374.762.851</i>		<i>28.330.618.021</i>	
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan</i>				
<i>(Thuyết minh số 32)</i>	<i>28.444.608.101</i>		<i>8.504.060.306</i>	

(\*) Đây là giá trị góp vốn được chuyển cho một doanh nghiệp đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 21 tháng 11 năm 2016. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ nhận lại toàn bộ khoản góp vốn này vào ngày đáo hạn của hợp đồng hợp tác kinh doanh này, mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ được phân chia lợi nhuận (nếu có) từ việc hợp tác kinh doanh này với tỉ lệ tương ứng với tỉ lệ vốn góp.

(\*\*) Bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn không chịu lãi suất và không có tài sản đảm bảo của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống cho các hộ nông dân vay để phục vụ việc trồng mía nguyên liệu. Các khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống và các hộ nông dân trồng mía.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm (*)	734.593.324.269	(6.158.916.544)	394.731.069.270	-
Nguyên liệu, vật liệu	60.740.339.834	(2.616.526.086)	79.151.531.021	(3.207.961.805)
Hàng hóa	6.513.996.803	-	46.969.139.504	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.360.526.376	-	33.526.256.836	-
Công cụ, dụng cụ	1.110.438.319	(26.239.524)	737.670.211	(119.991.509)
Hàng gửi bán	217.909.399	-	155.899.762	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>829.536.535.000</u></b>	<b><u>(8.801.682.154)</u></b>	<b><u>555.271.566.604</u></b>	<b><u>(3.327.953.314)</u></b>

(\*) Công ty và Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công, một công ty con của Công ty, đã sử dụng toàn bộ thành phẩm tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

***Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.327.953.314	2.764.380.810
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	6.158.916.544	563.572.504
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(685.187.704)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>8.801.682.154</u></b>	<b><u>3.327.953.314</u></b>

**Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**  
B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	732.553.241.492	2.218.922.412.787	86.316.008.538	24.557.366.504	3.567.938.810	3.065.916.968.131
- Mua trong năm	6.820.575.476	26.580.850.440	8.671.799.727	216.650.000	268.150.000	42.558.025.643
- Đầu tư XDCB hoàn thành	47.747.698.230	1.342.389.400	-	-	1.226.878.604	50.316.966.234
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(2.568.478.439)	(158.415.879.329)	(16.612.855.241)	(1.167.763.804)	-	(178.764.976.813)
- Giảm khác (**)	(10.736.290.000)	-	-	-	-	(10.736.290.000)
Số cuối năm	773.816.746.759	2.088.429.773.298	78.374.953.024	23.606.252.700	5.062.967.414	2.969.290.693.195
<b>Trong đó:</b>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	214.547.289.604	624.494.999.300	32.365.826.154	19.819.991.625	-	891.228.106.683
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Số đầu năm	312.939.272.159	1.324.772.793.513	73.117.152.626	23.024.029.051	409.118.702	1.734.262.366.051
- Khấu hao trong năm	28.285.808.671	118.119.793.312	3.919.701.989	482.177.090	394.204.580	151.201.685.642
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(2.519.277.643)	(137.217.178.917)	(12.825.136.145)	(1.167.763.802)	-	(153.729.356.507)
- Giảm khác (**)	(1.705.452.313)	-	-	-	-	(1.705.452.313)
Số cuối năm	337.000.350.874	1.305.675.407.908	64.211.718.470	22.338.442.339	803.323.282	1.730.029.242.873
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	419.613.969.333	894.149.619.274	13.198.855.912	1.533.337.453	3.158.820.108	1.331.654.602.080
Số cuối năm	436.816.395.885	782.754.365.390	14.163.234.554	1.267.810.361	4.259.644.132	1.239.261.450.322

(\*) Bao gồm nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế của toàn bộ tài sản cố định thuộc Nhà máy đường số 1 đã được Công ty thanh lý trong năm với nguyên giá và khấu hao lũy kế lần lượt là 167.798.768.933 VND và 146.931.897.936 VND.

(\*\*) Thực hiện Nghị quyết số 251/NQ/ĐLS – HĐQT ngày 1 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã bàn giao toàn bộ tài sản của Trường mầm non Công ty đường Lam Sơn được Công ty đầu tư bằng nguồn kinh phí sự nghiệp cho Ủy ban Nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa quản lý và sử dụng. Công ty đã ghi giảm giá trị tài sản cố định, giảm nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định tại thời điểm bàn giao tài sản.

Công ty và các công ty con đã sử dụng một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy đường số 2 và của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 19.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	19.037.780.000	18.778.159.158	10.087.620.418	47.903.559.576
Số cuối năm	<u>19.037.780.000</u>	<u>18.778.159.158</u>	<u>10.087.620.418</u>	<u>47.903.559.576</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	-	9.567.820.418	9.567.820.418
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	-	953.683.756	9.804.034.245	10.757.718.001
Hao mòn trong năm	-	<u>387.660.455</u>	<u>107.982.824</u>	<u>495.643.279</u>
Số cuối năm	-	<u>1.341.344.211</u>	<u>9.912.017.069</u>	<u>11.253.361.280</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>19.037.780.000</u>	<u>17.824.475.402</u>	<u>283.586.173</u>	<u>37.145.841.575</u>
Số cuối năm	<u>19.037.780.000</u>	<u>17.436.814.947</u>	<u>175.603.349</u>	<u>36.650.198.296</u>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án công viên sinh thái Thanh Tam	35.720.746.278	11.772.191.296
Dự án trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	30.257.333.204	19.846.070.844
Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao xử lý môi trường tại Nhà máy cồn	7.423.470.385	-
Dự án xây dựng vườn cam công nghệ cao	7.326.338.358	5.699.143.987
Các dự án khác	<u>10.190.938.432</u>	<u>9.262.712.432</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>90.918.826.657</u></b>	<b><u>46.580.118.559</u></b>

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	15.322.322.407	15.388.242.407
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.2	15.251.145.800	15.251.145.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.3	<u>200.000.000</u>	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>30.773.468.207</u></b>	<b><u>30.639.388.207</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	32,00%	1.600.000	32,00%	1.600.000

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

	Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Tổng cộng
Số đầu năm	-	15.388.242.407	15.388.242.407
Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm	-	(65.920.000)	(65.920.000)
Số cuối năm	-	15.322.322.407	15.322.322.407

Đơn vị tính: VND

(i) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm 32% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.2 Đầu tư dài hạn khác**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>								
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15.251.145.800</b>	<b>-</b>	<b>15.251.145.800</b>		<b>15.251.145.800</b>	<b>-</b>	<b>15.251.145.800</b>

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

**13.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với kỳ hạn 10 năm và đáo hạn vào ngày 14 tháng 11 năm 2027. Lãi suất của trái phiếu này được xác định bằng lãi suất trung bình đối với tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cộng 1,2%/năm và được thanh toán hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí thuê đất	56.972.601.706	56.401.055.999
Công cụ, dụng cụ	1.353.727.322	1.746.535.054
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.260.060.405	3.105.386.030
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>60.586.389.433</u></b>	<b><u>61.252.977.083</u></b>

**15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	260.042.303.022	260.042.303.022	53.522.124.852	53.522.124.852
<i>Các hộ trồng mía</i>	144.255.961.969	144.255.961.969	23.760.734.860	23.760.734.860
<i>Phải trả người bán ngắn hạn khác</i>	115.786.341.053	115.786.341.053	29.761.389.992	29.761.389.992
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 32</i> )	3.890.106.373	3.890.106.373	11.162.193.087	11.162.193.087
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>263.932.409.395</u></b>	<b><u>263.932.409.395</u></b>	<b><u>64.684.317.939</u></b>	<b><u>64.684.317.939</u></b>

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các bên liên quan trả tiền trước ( <i>Thuyết minh số 32</i> )	5.856.800.000	543.700.000
Người mua trả tiền trước khác	20.809.265.823	6.276.944.351
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.666.065.823</u></b>	<b><u>6.820.644.351</u></b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp/bù trừ trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	5.222.164.476	43.252.633.843	(26.236.568.140)	22.238.230.179
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 31.2</i> )	10.542.554.421	6.970.774.840	(15.452.700.896)	2.060.628.365
Thuế thu nhập cá nhân	53.832.216	2.185.765.800	(1.873.513.218)	366.084.798
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	157.381.389	3.568.602.707	(3.527.922.729)	198.061.367
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.975.932.502</u></b>	<b><u>55.977.777.190</u></b>	<b><u>(47.090.704.983)</u></b>	<b><u>24.863.004.709</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí vận chuyển mía	26.108.700.509	125.080.095
Chi phí xây dựng	12.676.244.600	-
Chi phí khuyến mại cho khách hàng	3.561.933.750	3.334.190.420
Chi phí lãi vay phải trả	819.402.198	1.788.193.967
Chi phí hỗ trợ quỹ khuyến học vùng nguyên liệu mía	557.200.000	633.171.867
Các khoản khác	6.521.482.677	3.164.356.419
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>50.244.963.734</u></b>	<b><u>9.044.992.768</u></b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015/2016	2.234.355.000	2.234.355.000
Kinh phí công đoàn	2.073.562.594	1.736.230.388
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	2.273.429.977	774.601.080
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	127.140.152	703.925.934
Cổ tức phải trả	2.560.040.000	1.039.960.000
Quỹ dự phòng thiên tai, rủi ro	4.087.088.258	3.297.232.620
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.979.928.968	3.134.955.492
	<b><u>15.335.544.949</u></b>	<b><u>12.921.260.514</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch về lợi nhuận năm 2011	7.720.591.150	7.720.591.150
Phải trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.230.000.000	1.230.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	2.098.578.776	1.240.264.833
	<b><u>11.049.169.926</u></b>	<b><u>10.190.855.983</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.384.714.875</u></b>	<b><u>23.112.116.497</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả khác	16.429.768.725	13.157.170.347
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	2.234.355.000	2.234.355.000
Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	7.720.591.150	7.720.591.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số đầu năm</i>		<i>Trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	685.670.163.972	685.670.163.972	1.814.050.205.627	1.724.505.194.507	775.215.175.092	775.215.175.092
Vay đối tượng khác	1.330.000.000	1.330.000.000	-	1.330.000.000	-	-
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	5.440.000.000	5.440.000.000	8.470.008.333	7.356.675.000	6.553.333.333	6.553.333.333
	<b>692.440.163.972</b>	<b>692.440.163.972</b>	<b>1.822.520.213.960</b>	<b>1.733.191.869.507</b>	<b>781.768.508.425</b>	<b>781.768.508.425</b>
Vay dài hạn						
Vay dài hạn đối tượng khác (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay ngân hàng	2.720.000.000	2.720.000.000	11.500.000.000	8.470.008.333	5.749.991.667	5.749.991.667
	<b>4.720.000.000</b>	<b>4.720.000.000</b>	<b>11.500.000.000</b>	<b>8.470.008.333</b>	<b>7.749.991.667</b>	<b>7.749.991.667</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>697.160.163.972</b>	<b>697.160.163.972</b>	<b>1.834.020.213.960</b>	<b>1.741.661.877.840</b>	<b>789.518.500.092</b>	<b>789.518.500.092</b>

(\*) Đây là khoản vay dài hạn từ Công đoàn Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn theo Hợp đồng số 01/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2017 (thay thế cho hợp đồng cũ số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2014). Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2020 và có lãi suất là 7,5%/năm. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**19.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	388.498.493.407	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 9 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 22 tháng 3 năm 2019. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5% - 5,8%	Một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sầm Sơn	57.200.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 13 tháng 12 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.	6,5%	Một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thanh Hóa	92.652.027.130	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 11 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng.	5,5%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	39.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 11 tháng 12 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.	6,5% - 6,6%	Toàn bộ hàng hóa là đường thành phẩm thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	12.882.535.932	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 26 tháng 12 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.	6,6%	Một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	164.982.118.623	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 27 tháng 10 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng.	7%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác và toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng thuộc dự án đầu tư khai thác tối ưu năng lực phát điện
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thanh Hóa	20.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 23 tháng 9 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng.	6%	Tín chấp
<b><u>775.215.175.092</u></b>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**19.2 Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thanh Hóa	9.583.325.000	Gốc vay được thanh toán trong vòng 12 quý, với kỳ đầu tiên vào ngày 25 tháng 2 năm 2018. Lãi vay trả hàng quý.	8,5%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác và toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng thuộc dự án đầu tư khai thác tối ưu năng lực phát điện.
<i>Trong đó</i> Vay dài hạn đến hạn trả	3.833.333.333			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	2.720.000.000	Gốc vay được thanh toán từ ngày 1 tháng 6 năm 2007 đến ngày 1 tháng 12 năm 2018. Lãi vay được trả 6 tháng một lần.	5,4%	Tín chấp
<i>Trong đó</i> Vay dài hạn đến hạn trả	<u>2.720.000.000</u>			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.303.325.000</u></b>			
<i>Trong đó</i> Vay dài hạn đến hạn trả	6.553.333.333			

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	29.988.282.510	24.371.405.691
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 22.1)	13.272.714.175	10.297.847.100
Điều chuyển sang Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	(2.200.664.659)	-
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(3.835.155.891)</u>	<u>(4.680.970.281)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>37.225.176.135</u></b>	<b><u>29.988.282.510</u></b>

**21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	68.321.292.135	57.962.164.465
Trích lập quỹ trong năm	-	14.000.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(8.182.530.742)</u>	<u>(3.640.872.330)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>60.138.761.393</u></b>	<b><u>68.321.292.135</u></b>
<i>Trong đó:</i> Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	13.670.383.664	19.847.622.948
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	46.468.377.729	48.473.669.187



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>							
Số đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	568.026.596.583	133.182.845	115.289.865.814	25.614.138.821	1.589.240.195.847
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	125.928.224.536	11.771.258.689	137.699.483.225
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(70.000.000.000)	-	(70.000.000.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.297.847.100	-	(10.297.847.100)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.297.847.100)	-	(10.297.847.100)
- Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(2.234.355.000)	-	(2.234.355.000)
- Tăng/(giảm) khác	-	-	(207.711.607)	(5.462.963)	192.310.273	(4.187.037)	(25.051.334)
Số cuối năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>180.176.411.784</u>	<u>578.116.732.076</u>	<u>127.719.882</u>	<u>148.580.351.423</u>	<u>37.381.210.473</u>	<u>1.644.382.425.638</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Năm nay</b>								
Số đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	-	578.116.732.076	127.719.882	148.580.351.423	37.381.210.473	1.644.382.425.638
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	12.225.553.921	(8.135.764.411)	4.089.789.510
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(69.398.990.000)	(1.808.800.000)	(71.207.790.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	11.999.050.340	-	(11.999.050.340)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(11.999.050.340)	(1.273.663.835)	(13.272.714.175)
- Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(644.953.770)	(494.318.805)	(1.139.272.575)
- Mua cổ phiếu quỹ (**)	-	-	(32.871.691.000)	-	-	-	-	(32.871.691.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(67.500.000)	(2.537.925)	-	(70.037.925)
Số cuối năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>180.176.411.784</u>	<u>(32.871.691.000)</u>	<u>590.115.782.416</u>	<u>60.219.882</u>	<u>66.761.322.969</u>	<u>25.668.663.422</u>	<u>1.529.910.709.473</u>

(\*) Việc chia cổ tức và phân phối lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 25 tháng 11 năm 2017 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con.

(\*\*) Thực hiện Nghị quyết số 683 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, trong năm, Công ty đã thực hiện mua lại 3.005.050 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ.

**22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784	-	180.176.411.784	180.176.411.784	-
Cổ phiếu quỹ	(32.871.691.000)	(32.871.691.000)	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>847.304.720.784</u></b>	<b><u>847.304.720.784</u></b>	<b>-</b>	<b><u>880.176.411.784</u></b>	<b><u>880.176.411.784</u></b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>700.000.000.000</u>
Số cuối năm	<u><b>700.000.000.000</b></u>	<u><b>700.000.000.000</b></u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>69.398.990.000</b>	<b>70.000.000.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2016 - 2017: 10.000 VND).

**22.4 Cổ phiếu**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>	<b>(3.005.050)</b>	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>66.994.950</b>	<b>70.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	66.994.950	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**22.5 Cổ tức**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Cổ tức đã chia từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015/2016	-	70.000.000.000
Cổ tức cho năm 2016/2017	69.398.990.000	-
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm</b>	<b>-</b>	<b>56.000.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC**

**23.1 Nguồn kinh phí**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	2.506.077.155	3.909.335.593
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	15.655.294.000	10.639.540.502
Chi trong năm	<u>(12.617.035.000)</u>	<u>(12.042.798.940)</u>
Số cuối năm	<b><u>5.544.336.155</u></b>	<b><u>2.506.077.155</u></b>

**23.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	37.412.511.423	40.071.468.816
Tài sản điều chuyển nguồn từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.200.664.659	-
Sử dụng trong năm	<u>(2.561.407.629)</u>	<u>(2.658.957.393)</u>
Giảm khác (Thuyết minh số 10)	<u>(9.030.837.687)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<b><u>28.020.930.766</u></b>	<b><u>37.412.511.423</u></b>

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND) (*)	129.022.500.000	187.465.634.602
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.594.806.581	1.594.806.581
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	2.942	3.256
- Euro (EUR)	269	335

(\*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là giá trị của 11.170 tấn đường và 1,2 tấn mật rỉ được Công ty xuất bán cho khách hàng và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.343.506.924.894</b>	<b>2.375.848.051.922</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.188.233.834.757	1.796.815.095.489
Doanh thu bán hàng hóa	106.620.251.768	519.341.534.357
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.652.838.369	59.691.422.076
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(9.200.000)</b>	<b>(1.858.056.565)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(9.200.000)</i>	<i>(1.858.056.565)</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.343.497.724.894</b>	<b>2.373.989.995.357</b>
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>129.602.491.142</i>	<i>514.850.669.051</i>
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác</i>	<i>1.213.895.233.752</i>	<i>1.859.139.326.306</i>

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi từ hoạt động thanh lý khoản đầu tư dài hạn	-	11.067.299.347
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.093.345.842	5.265.089.825
Doanh thu hoạt động tài chính khác	594.330.673	479.158.004
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.687.676.515</b>	<b>16.811.547.176</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.033.373.956.446	1.476.074.660.683
Giá vốn của hàng hóa đã bán	105.149.149.290	512.081.166.908
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.017.739.556	56.009.986.253
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.181.540.845.292</b>	<b>2.044.165.813.844</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	46.758.161.296	42.620.987.199
Chi phí tài chính khác	440.522.242	363.981.817
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.250.202.716</u></b>	<b><u>42.984.969.016</u></b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>44.427.433.244</b>	<b>39.127.462.614</b>
Chi phí nhân công	8.830.559.443	9.718.954.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.002.936.817	2.983.141.938
Chi phí vận chuyển	8.739.160.985	7.800.730.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.270.153.264	10.174.944.726
Chi phí khác	10.584.622.735	8.449.691.544
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>67.732.194.029</b>	<b>96.963.114.694</b>
Chi phí nhân công	36.318.369.010	33.872.682.346
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.029.333.607	10.329.713.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.161.269.193	17.450.422.815
Trích lập quỹ khoa học công nghệ	-	14.000.000.000
Chi phí khác	11.223.222.219	21.310.295.653
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>112.159.627.273</u></b>	<b><u>136.090.577.308</u></b>

**29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>9.141.787.087</b>	<b>1.189.692.232</b>
Thu thanh lý tài sản	7.112.208.084	-
Thu nhập khác	2.029.579.003	1.189.692.232
<b>Chi phí khác</b>	<b>7.151.981.496</b>	<b>6.621.596.824</b>
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng sản xuất	5.111.754.003	4.323.639.215
Chi phí khác	2.040.227.493	2.297.957.609
<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẦN KHÁC</b>	<b><u>1.989.805.591</u></b>	<b><u>(5.431.904.592)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.084.856.871.190	1.325.454.494.220
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	141.799.375.827	160.670.634.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.684.194.723	140.005.540.247
Chi phí nhân công	99.756.157.224	95.064.597.473
Chi phí khác	43.433.732.654	52.317.629.631
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.517.530.331.618</u></b>	<b><u>1.773.512.895.761</u></b>

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty và các công ty con là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế, ngoại trừ các đơn vị dưới đây:

- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi;
- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa và 17% đối với các thu nhập từ các hoạt động khác tại địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; và
- ▶ Xí nghiệp Cơ giới, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.970.774.840	23.116.680.396
(Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	98.047.369	985.155.623
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.068.822.209</u></b>	<b><u>24.101.836.019</u></b>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.2 Thuế TNDN hiện hành**

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>11.158.611.719</b>	<b>161.801.319.244</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Khấu hao vượt mức quy định	112.353.875	534.922.512
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất (nhà máy còn và nhà máy đường số 1)	5.111.754.003	4.535.695.075
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	1.618.800.000	1.315.700.000
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	7.246.070.931	1.083.600.339
Các khoản tăng khác	36.053.157	1.493.135.062
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(58.577.000)	(146.442.500)
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	(1.170.716.395)	(4.875.006.053)
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>24.054.350.290</b>	<b>165.742.923.679</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	(202.018.632)	(11.465.661.175)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>23.852.331.658</b>	<b>154.277.262.504</b>
Thu nhập chịu thuế suất 20%	9.877.173.354	14.911.073.016
Thu nhập chịu thuế suất 15%	32.851.877.397	113.866.508.002
Thu nhập chịu thuế suất 10%	-	26.371.048.698
Thu nhập được miễn thuế	1.610.180.466	1.602.445.710
Lỗ của các công ty con (*)	(20.486.899.559)	(2.473.812.922)
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>6.903.216.280</b>	<b>22.699.295.673</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	10.542.554.421	3.503.203.196
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm trước	67.558.560	-
Điều chỉnh giảm thuế TNDN do chênh lệch tạm thời từ năm trước	(161.110.000)	(227.542.713)
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp theo biên bản của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa	161.110.000	644.927.436
Thuế TNDN đã trả trong năm	(15.452.700.896)	(16.077.329.171)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 16)</b>	<b>2.060.628.365</b>	<b>10.542.554.421</b>

(\*) Công ty và các công ty con không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	3.706.476.346	4.569.567.255	(863.090.909)	(1.043.721.772)
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được cản trừ khi hợp nhất khác	823.609.689	58.566.149	765.043.540	58.566.149
	<b>4.530.086.035</b>	<b>4.628.133.404</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			<b>(98.047.369)</b>	<b>(985.155.623)</b>

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	-	50.483.747.533
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Bán đường Mua đường	129.602.491.142 47.292.400.000	514.850.669.051 -
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Mua nguyên vật liệu Các khoản chi hộ	- 5.373.880.000	5.404.702.573 -

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 12.307.663.306 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 12.307.663.306 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6.1)</b>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điền	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	2.921.603.000	2.921.603.000
			<b>2.921.603.000</b>	<b>2.921.603.000</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	-	28.000.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điền	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
			<b>882.000.000</b>	<b>28.882.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điền	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Các khoản chi hộ	3.573.880.000	-
Các cán bộ quản lý chủ chốt	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tạm ứng	16.366.667.795	-
			<b>28.444.608.101</b>	<b>8.504.060.306</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	3.372.681.062	4.489.125.150
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Phải trả tiền dịch vụ vận chuyển	517.425.311	6.673.067.937
			<b>3.890.106.373</b>	<b>11.162.193.087</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15.2)</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Trả trước tiền mua đường	5.856.800.000	543.700.000
			<b>5.856.800.000</b>	<b>543.700.000</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)</b>				
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành	Bên liên quan khác	Phải trả về lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2015/2016	2.234.355.000	2.234.355.000
			<b>2.234.355.000</b>	<b>2.234.355.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)</b>				
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Bên liên quan khác	Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2011	7.720.591.150	7.720.591.150
			<b>7.720.591.150</b>	<b>7.720.591.150</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	4.243.954.737	4.214.876.416
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.243.954.737</b>	<b>4.214.876.416</b>

**33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.225.553.921	125.928.224.536
Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(11.999.050.340)
Trừ thưởng ban điều hành (*)		(644.953.770)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>12.225.553.921</b>	<b>113.284.220.426</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	68.830.912	70.000.000
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>68.830.912</b>	<b>70.000.000</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	178	1.618
- Lãi suy giảm	178	1.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành từ lợi nhuận để lại của năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 11 năm 2017 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 chưa được điều chỉnh giảm do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp. Doanh thu các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp chiếm tỷ trọng 100% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Các cam kết liên quan đến khoản đầu tư dài hạn***

Thực hiện Nghị quyết số 99 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 26 tỷ VND do Công ty sở hữu 100% vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Trong năm, Công ty đã thực hiện góp vốn vào công ty con này với tổng số tiền là 9.862.396.042 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để góp bổ sung phần vốn điều lệ còn thiếu tại công ty con này.

***Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có cam kết khoảng 14 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Người lập  
Nguyễn Thị Nhung



Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2018



**lasuco**

since 1980